



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ  
Y TẾ HẢI DƯƠNG  
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020**

## MỤC LỤC

TỔNG QUAN CÔNG TY .....	6
THÔNG TIN CHUNG .....	9
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH .....	11
CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	16
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN .....	17
CÁC RỦI RO.....	19
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG .....	22
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....	23
DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO.....	26
NGUỒN NHÂN LỰC .....	33
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH .....	34
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG .....	36
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....	38
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....	39
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH .....	40
NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ .....	42
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI.....	43
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY.....	46
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	47
CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	50
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC.....	51
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	52
BAN KIỂM SOÁT .....	54
LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH.....	57
GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ .....	57
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG .....	58
THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG .....	59
TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG .....	60
TIÊU THỤ NƯỚC .....	61
CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG .....	62
TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG.....	65
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN.....	Từ 69 đến 99



## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông Nguyễn Trung Việt - Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Kính thưa Quý cổ đông và Nhà đầu tư!

Như chúng ta đã biết, năm 2020 tiếp tục là một năm mà ngoài khó khăn nội tại của nền kinh tế đó là cạnh tranh khốc liệt trong quá trình tồn tại - phát triển, thì nền kinh tế Thế giới còn bị đè nặng nguy cơ ngừng nghỉ sản xuất, phá sản, suy kiệt, chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy... bởi Đại dịch Covid - 2019 xuất hiện từ cuối năm 2019 và bùng phát, biến thể từ đó đến nay. Ngoài các khó khăn chung, Công ty chúng ta còn gặp khó khăn liên quan đến thị trường cạnh tranh khốc liệt với sự tham gia của các tập đoàn dược phẩm nước ngoài với hàng trăm năm kinh nghiệm đầu tư vào Việt Nam, của các doanh nghiệp trong nước ồ ạt đầu tư mở rộng SX - KD, đồng thời các vấn đề về chính sách của Ngành Dược như: chuẩn sản xuất, chuẩn quản lý... cũng có nhiều thay đổi.

Hiện nay Việt Nam là một trong những nước của khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế mạnh, cụ thể mặc dù ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19, GDP Việt Nam vẫn tăng trưởng dương 3,3% và được Thế giới suy tôn, khâm phục. Theo phân tích của SSI ước tính doanh thu dược phẩm Việt Nam năm 2021 tăng 15% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng trung bình giai đoạn 2015-2019 là 11,8% khi mức tiêu dùng cho y tế sẽ trở lại mức bình thường vào năm 2021, quy định về giãn cách xã hội được nới lỏng và nhu cầu khám bệnh của người dân tăng trở lại. Ngoài ra, dân số Việt Nam đang già hóa nhanh và thu nhập bình quân đầu người tăng mạnh tiếp tục hỗ trợ đà tăng trưởng dài hạn của thị trường chăm sóc sức khỏe. Nhà nước cũng như Ngành Dược đang kêu gọi đầu tư để phân đấu sản xuất dược phẩm trong nước có thể đáp ứng ngày càng cao cho nhu cầu về thuốc chữa bệnh của người dân. Về cơ bản, Nhà nước cũng như Ngành Dược đã tạo điều kiện tốt cho doanh nghiệp sản xuất trong nước, nhưng còn một vấn đề liên quan đến qui trình cấp số đăng ký còn quá phức tạp và lâu. Hệ quả là đầu tư vào nhà máy với

vô cùng tốn kém ( đặc biệt là khi đầu tư vào nhà máy đạt tiêu chuẩn cao như PIC/S hay GMP EU), nhưng khi đầu tư xong nhà máy và nhận chứng chỉ đủ điều kiện sản xuất, thì không có hoặc không đủ số đăng ký để triển khai SX, dẫn đến nhà máy nằm không, không tạo ra sản phẩm, không tạo ra giá trị gia tăng, nhiều trăm tỷ đầu tư nằm im một chỗ, trong khi đó doanh nghiệp thì vẫn phải trả lãi vay Ngân hàng, chi phí duy trì hệ thống quản lý chất lượng, chi phí cho người lao động, người quản lý khi nhà máy chưa tạo ra sản phẩm, đó là gánh nặng cho doanh nghiệp.

Công ty hiện nay có 6 dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP – WHO với nhiều dạng bào chế sản phẩm, tạo nhiều việc làm cho người lao động cũng như tạo lợi nhuận cho công ty. Trước đây do công ty đầu tư tiết kiệm, nên bây giờ phải tái đầu tư và đầu tư mới cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, với công nghệ SX tiên tiến nhất. Vốn hóa của công ty hiện nay khoảng 267 tỷ, đây là con số vô cùng nhỏ so với một Ngành đòi hỏi đầu tư nhiều như Ngành Dược. Quá trình tái đầu tư đòi hỏi giá trị vốn - tài sản phải lớn hơn, đến nay dự án Nhà máy mới HDPHARMA đạt chuẩn GMP WHO tại Phường Cẩm Thượng giai đoạn 1, văn phòng chi nhánh tại TP Hà Nội, văn phòng chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh và văn phòng Chi nhánh tại TP Đà Nẵng công ty đã đầu tư hoàn thành và đang trong quá đưa vào khai thác. Tuy nhiên đến hết năm 2020 việc thẩm định và cấp chứng chỉ tiêu chuẩn GMP-EU cho dây chuyền sản xuất Thuốc viên, cốm, sủi không chứa kháng sinh Betalactam vẫn chưa xong do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 từ cuối năm 2019 đến nay, mặc dù HĐQT đã có nhiều giải pháp nhưng đến nay Đoàn chuyên gia của EU không sang thẩm định được.

Từ những vấn đề nêu trên, mặc dù năm 2021 dịch bệnh bùng phát trở lại khắp nơi và biến thể khó lường, sẽ tiếp tục gây nhiều khó khăn, nhưng HDPHARMA vẫn khẳng định tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển của Công ty đến năm 2024 đã được trình bày trong báo cáo trình Đại hội năm 2021 và bổ sung một điểm như sau:

- Xác định việc đầu tư sản xuất theo chuẩn GMP EU là định hướng lâu dài.
- Khai thác tối ưu hóa sản xuất trên các dây chuyền hiện có để tạo ra thêm lợi nhuận, lấy thu nhập đó nuôi dự án dài hạn.
- Mở rộng ngành nghề, đăng ký sản xuất vật tư y tế, phát triển thêm những mặt hàng vật tư y tế để tìm kiếm lợi nhuận trước mắt, nhằm đảm bảo cho công ty ổn định và phát triển.
- Có thể triển khai giai đoạn 2 của dự án nhưng theo phương án đầu tư: làm từ từ phù hợp với tình hình tài chính của công ty, cụ thể là xây dựng 2 dây chuyền gồm: Tiêm bột và Viên Beta Lactam.
- Hoàn thiện lại hệ thống kinh doanh (Kênh bán hàng OTC và ETC) toàn quốc, nâng lên một tầm mới để có thể nâng tỷ lệ doanh số hàng sản xuất, để hàng sản xuất trở thành trụ cột chính.

Kính thưa các Cổ đông và Nhà đầu tư! Khó khăn nhưng chúng ta không có con đường nào khác ngoài chuyện phải vượt qua. Tôi hi vọng các cổ đông đồng lòng để hướng tới những tầm cao mới trong tương lai. Đại diện HĐQT, Tôi cũng hứa với các cổ đông kiểm soát chặt chẽ từng đồng của Công ty để đầu tư có hiệu quả.

Cuối cùng, tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc và những lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý cổ đông, các đối tác và Quý khách hàng của Công ty. Tôi cũng chân thành cảm ơn tất cả cán bộ nhân viên Công ty vì sự nỗ lực hết mình trong những năm qua. Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương đã, đang và sẽ luôn luôn phấn đấu ngày càng lớn mạnh để đáp lại sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị dành cho chúng tôi.

**Chủ Tịch Hội đồng Quản Trị**



**CHỦ TỊCH HĐQT  
NGUYỄN TRUNG VIỆT**

## TÂM NHÌN

Xây dựng Công ty CP Dược VTYT Hải Dương trở thành một trong những ngọn cờ đầu trong lĩnh vực Dược phẩm Việt Nam và xây dựng một hệ thống nhà máy hiện đại, liên hoàn, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO , GMP- EU và đa dạng các mặt hàng thuốc.

## SỨ MỆNH

**Đối với Cổ đông và Nhà đầu tư:** Tạo ra giá trị cao nhất cho cổ đông, tăng cường sự minh bạch, kịp thời công khai hóa thông tin các hoạt động của Công ty đến các cổ đông và nhà đầu tư và chủ động tạo cơ hội đối thoại với nhà đầu tư.

**Đối với Khách hàng:** Cung cấp các sản phẩm chất lượng cao mang tính ổn định và lâu dài; lắng nghe và luôn củng cố năng lực kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

**Đối với Đối tác Kinh doanh:** Duy trì, nuôi dưỡng và phát triển mối quan hệ lâu dài trên nguyên tắc tôn trọng lợi ích của các bên tham gia nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng tốt nhất cho xã hội.

**Đối với Cộng đồng Xã hội:** DHD vẫn luôn thực hiện trách nhiệm đồng hành và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực với mong muốn góp phần cùng xã hội nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ cho sự phát triển bền vững của đất nước.

**Đối với Nhân viên:** Trân trọng sự đóng góp của nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện, khuyến khích và trân trọng những ý kiến độc lập và sáng tạo của nhân viên góp phần cho sự phát triển Công ty.

## TỔNG QUAN CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG

MỘT SỐ THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

CỘT MỐC LỊCH SỬ

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHI NHÁNH CÔNG TY VÀ MỘT SỐ KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO

## THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch

Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.

Tên tiếng Anh

HAIDUONGPHARMACEUTICAL MEDICAL  
MATERIAL JOINT STOCK COMPANY

Logo



Địa chỉ trụ sở chính

Số 102, phố Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, TP. Hải  
Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Giấy đăng ký kinh doanh

Số 0800011018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố  
Hải Dương, cấp lần đầu ngày 04/04/2003, thay đổi lần  
thứ 17 ngày 28/5/2020.

Vốn điều lệ đăng kí

99.999.450.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp

99.999.450.000 đồng

Điện thoại

0220.3853.848

Fax

0220.3853.848

Website

<http://hdpharma.vn/>

Mã cổ phiếu

DHD



# LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương (HDPHARMA) là công ty cổ phần dược cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước. Kể từ khi thành lập đến nay, quá trình xây dựng và phát triển của Công ty luôn gắn liền với quá trình xây dựng và phát triển của ngành Dược Việt Nam cùng với những bước thăng trầm trong tiến trình lịch sử phát triển kinh tế của đất nước. Quá trình phát triển của công ty có thể tóm lược qua những cột mốc như sau:

➤ 1961

Ủy ban hành chính tỉnh Hải Dương thành lập Quốc doanh dược phẩm.

➤ 1966

Quốc doanh dược phẩm tách thành hai đơn vị hành chính độc lập: Quốc doanh dược phẩm tỉnh Hải Hưng và xí nghiệp Dược tỉnh Hải Hưng.

➤ 1982

Quốc doanh dược phẩm Hải Hưng và Xí nghiệp Dược Hải Hưng lại được hợp nhất thành Xí nghiệp liên hợp Dược Hải Hưng.

➤ 1988

Xí nghiệp liên hợp Dược Hải Hưng đổi tên thành công ty Dược VTYT Hải Dương.

2003

Công ty Dược VTYT Hải Dương chuyển thành Công ty cổ phần Dược VTYT Hải Dương với vốn điều lệ là 10,26 tỷ đồng.

➤ 2007

Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương đổi tên giao dịch thành HDPHARMA.

➤ 2010

Công ty tăng vốn điều lệ từ 10,26 tỷ lên 30 tỷ đồng thông qua phát hành cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và cổ đông chiến lược.

➤ 2018

14/06/2018: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 14, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 60.000.000.000 đồng.

2019

2020

Năm 2019 Công ty đã chuyển đổi 20 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu cho cổ đông. Ngày 28/10/2019: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 15, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 80.000.000.000 đồng.

Năm 2020 Công ty đã trả cổ tức cho các cổ đông năm 2019 theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2020 số tiền : 19.999.450.000 đồng Ngày 28/5/2020: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 17, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 99.999.450.000 đồng.

## CHI NHÁNH CÔNG TY VÀ MỘT SỐ KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU

### HẢI DƯƠNG

Trụ sở chính Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, Thành Phố Hải Dương, Hải Dương, Việt Nam

### HÀ NỘI

Chi nhánh Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương . Địa chỉ:Lô đất Số 01, ô D6C, khu đất đấu giá quyền sử dụng đất, Phường Xuân La , Quận Tây Hồ , Thành phố Hà Nội , Việt Nam

### TUYÊN QUANG

Công ty Dược Tuyên Quang

### HẢI PHÒNG

Công ty TNHH Dược phẩm Hậu Vũ; Công ty TNHH Dược phẩm Minh Nhật

### ĐIỆN BIÊN

Công ty cổ phần Dược phẩm Điện Biên

### HÒA BÌNH

Công ty TNHH Dược phẩm Hà Việt

### SƠN LA

Công ty cổ phần Dược phẩm Dương Hồng Thúy

### BẮC NINH

Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh

### BẮC GIANG

Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Giang ; Công ty TNHH Dược phẩm Ngọc Đông

### THÁI NGUYÊN

Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Lan ; Công ty TNHH Dược phẩm Hữu Yên

### LẠNG SƠN

Nhà thuốc Thành Công

### QUẢNG NINH

Công ty TNHH Hải Bình

### NAM ĐỊNH

Công ty TNHH Dược phẩm Tuyên Thạc

### VĨNH PHÚC

Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc ; Công ty TNHH Dược phẩm Hải Nga

### THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương tại TP.HCM Địa chỉ: 99 đường số 101 – TML - Phường Thạnh Mỹ Lợi - Quận 2 - TP.HCM – Việt Nam

### ĐÀ NẴNG

- Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương – Chi nhánh Miền Trung.  
Địa chỉ : Lô 9 – C4. KDC Hòa phát 4, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng , Việt Nam

### ĐẮC LẮC

- Công ty Cổ phần Dược VTYT Đắc Lắc.

### LÂM ĐỒNG

- Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng.

### NINH THUẬN

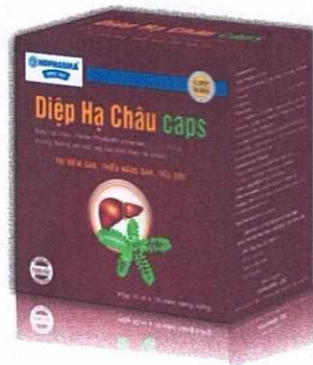
- Công ty Cổ phần Dược VTYT Ninh Thuận.

.....

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;
- Bán buôn thực phẩm chức năng;
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Bán buôn tinh dầu, dược liệu, kính mắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm chức năng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Trồng cây dược liệu;
- Chăn nuôi tác kè, rắn (được Nhà nước cho phép);
- In ấn;
- Dịch vụ tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y, dược, mỹ phẩm và thực phẩm; dịch vụ kiểm tra chất lượng dược phẩm, thực phẩm chức năng;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý thuốc chữa bệnh, hóa mỹ phẩm, dược phẩm chức năng, dụng cụ y tế, thiết bị y tế, kính mắt, dược liệu, tinh dầu, hóa chất;
- Cho thuê văn phòng, bến bãi, cửa hàng, nhà kho, nhà ở;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; dịch vụ chăm sóc sắc đẹp.
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia, sản xuất nước uống không cồn, nước khoáng.
- Xây dựng nhà các loại .

Một số sản phẩm chính:



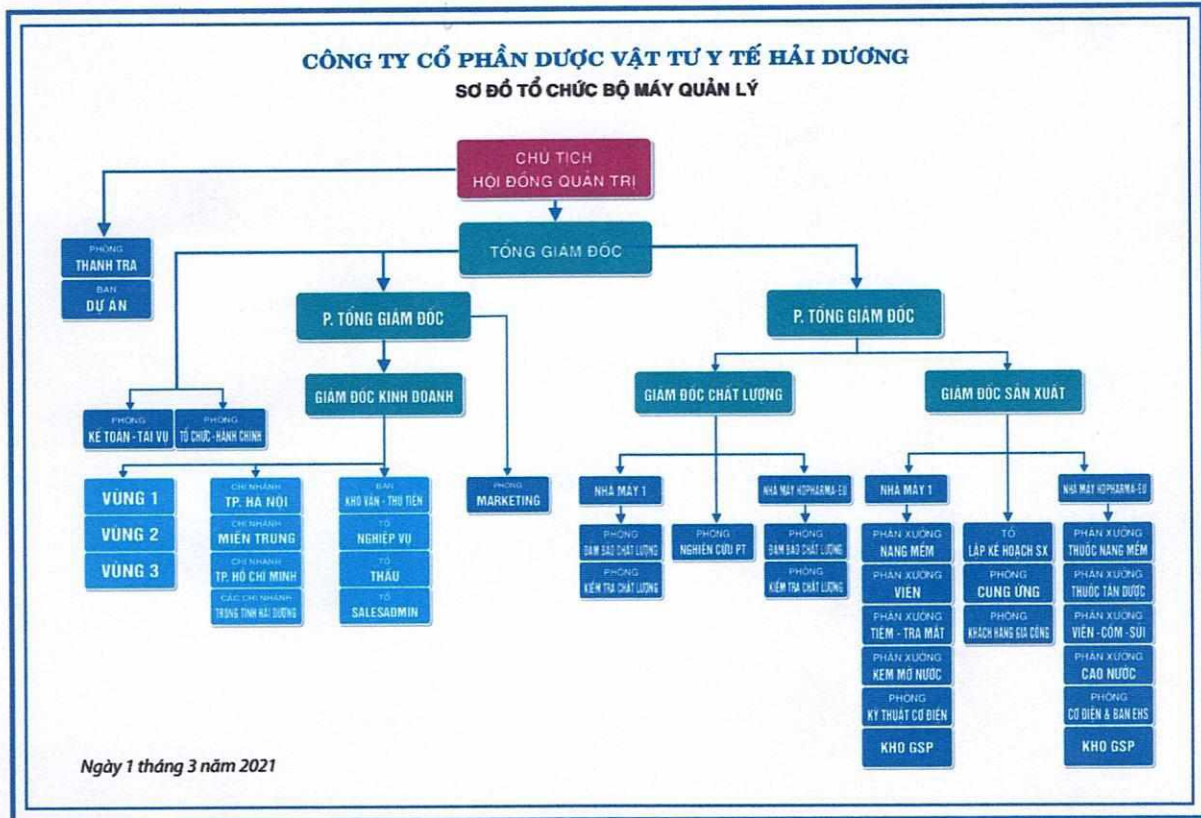








# CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

## BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty gồm ba (03) thành viên.

## TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bầu nhiệm, là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Mục tiêu

Xây dựng một hệ thống nhà máy hiện đại, liên hoàn, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO và đa dạng các mặt hàng thuốc. Hệ thống các dây chuyền:

- Dây chuyền thuốc viên nang mềm không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam.
- Dây chuyền dung dịch tiêm, hỗn dịch tiêm, nhũ dịch tiêm không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam.
- Dây chuyền thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam và dây chuyền thuốc viên, thuốc bột, thuốc cốm, siro, thuốc nước uống thuốc dùng ngoài, rượu thuốc, cao thuốc...có nguồn gốc từ dược liệu.
- Dây chuyền thuốc kem, thuốc mỡ và gel không chứa kháng sinh nhóm Beta-lactam.
- Dây chuyền thuốc viên + Cốm + Sủi không chứa nhóm kháng sinh Beta-lactam đạt tiêu chuẩn GMP – EU
- Kiện toàn hệ thống quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm đến ngang tầm tiêu chuẩn của khối EU.

Công ty CP Dược VTYT Hải Dương trở thành một trong những điểm đến hợp tác hấp dẫn, an toàn, hiệu quả, đáng tin cậy của các nhà đầu tư trong nước cũng như nước ngoài.

### Chiến lược phát triển

#### Về khẩu hiệu và chiến lược kinh doanh

- Lấy phục vụ làm mục đích kinh doanh, lấy hiệu quả kinh doanh làm động lực của sự phát triển.

#### Về chính sách chất lượng sản phẩm/ dịch vụ

- Bảo vệ và nâng cao chất lượng sản phẩm là sứ mệnh của Doanh nghiệp.

#### Về chính sách thị trường và bán hàng

- Có chiến lược phủ kín thị trường và mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm đến vùng sâu, vùng xa để phục vụ kịp thời người tiêu dùng.

#### Về tuyên truyền, quảng bá thương hiệu, sản phẩm/ dịch vụ

- Có kế hoạch quảng bá trên VTV1, VTV3 và các kênh truyền hình địa phương; trên các báo - tạp chí; trên Website của công ty và Website khác.

### Về đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật

- Đầu tư đổi mới máy móc, trang thiết bị hiện đại cho các dây chuyền hiện có của công ty.
- Hiện đại hóa dây chuyền sản xuất Đông dược theo tiêu chuẩn GMP - WHO.
- Nâng cấp dây chuyền sản xuất thuốc Nước và kem mỡ đạt tiêu chuẩn GMP - WHO.
- Mở rộng dây chuyền thuốc Tiêm.

### Về chính sách đào tạo nhân lực

- Mở rộng đào tạo tại chỗ; gửi CBCNV đi đào tạo nâng cao.
- Mời chuyên gia đến hướng dẫn sử dụng máy móc, chuyển giao công nghệ cho CBCNV làm việc trực tiếp.

### Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp

- Tuyên truyền cho CBCNV chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nước, nội quy quy chế của doanh nghiệp.
- Tôn trọng các giá trị của doanh nghiệp (tôn trọng chất lượng sản phẩm do mình tạo ra).
- Tác phong làm việc công nghiệp, thái độ làm việc vui vẻ, văn minh lịch sự.
- Thực hiện tốt các quyền lợi đối với người lao động; động viên khen thưởng CBCNV kịp thời tạo động lực cho người lao động trong lao động sản xuất. Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể trong Doanh nghiệp hoạt động.

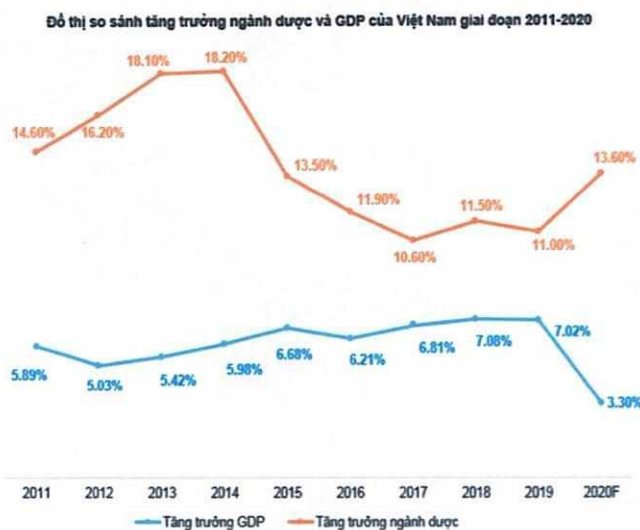
# CÁC RỦI RO

## RỦI RO KINH TẾ:

Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ sẽ tác động trực tiếp đến việc tiêu thụ sản phẩm. Do vậy, việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là một yếu tố tác động mạnh mẽ đến sự nhu cầu tiêu dùng của xã hội, thúc đẩy sự gia tăng sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị phần. Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm thiểu rủi ro cho các doanh nghiệp trong nước, trong đó có DHD.

### Tăng trưởng kinh tế

Theo báo cáo của cục thống kê, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 tăng 3,3%, đây là năm Ngành dược có tăng trưởng kinh tế GDP thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 đã làm đứt gãy các chuỗi kinh tế trong nước và toàn cầu, kinh tế bị đóng băng, ngừng trệ, suy thoái, sản xuất kinh doanh cầm chừng. Những biến động của nền kinh tế vĩ mô ở trong và ngoài nước có tác động trực tiếp đến sự phát triển của các thành phần cũng như ngành nghề kinh tế và tất nhiên sẽ có ảnh hưởng gián tiếp đến việc tiêu dùng của người dân đối với các sản phẩm liên quan đến ngành Dược.



### Lạm phát

Lạm phát Việt Nam trong những năm gần đây có diễn biến rất phức tạp và dao động với biên độ lớn tạo ra sự bất ổn định về giá cả và gây ảnh hưởng gián tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Giai đoạn 2011 đến 2014, chính phủ đã mạnh tay thực hiện các giải pháp để kiềm chế lạm phát và đã đạt được kết quả nhất định. Năm 2015, ấn định mức lạm phát của Việt Nam là 0.63%, là mức lạm phát thấp nhất của Việt Nam trong vòng hơn 10 năm trở lại đây. Theo báo cáo của cục thống kê Việt Nam, mức lạm phát của năm 2016 là 2,66%, năm 2017 là 3,53%, có tăng mạnh so với năm 2014 và 2015. Năm 2018 là 3,54%. Năm 2019 lạm phát là 2,79%

Năm 2020 lạm phát là 2,31%. Đây là mức tăng thấp nhất trong vòng 3 năm qua. Và điều đó có nghĩa, Chính phủ Việt Nam đã tiếp tục có một năm thành công khi ổn định được kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát còn dưới cả mục tiêu Quốc hội đề ra (khoảng 4%). Như vậy là đã 3 năm liên tiếp, Việt Nam kiểm soát được lạm phát dưới 4%. Năm 2018 là 3,54%, Năm 2019 là 2,79%, còn năm 2020 là 2,31%.

### Lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này được công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi

## **RỦI RO CẠNH TRANH**

Trong một thời gian ngành Dược được đánh giá là ngành hấp dẫn nên đã thu hút được dòng tiền nhiều. Rất nhiều nhà máy đã và đang xây mới. Đầu tư của các nhà máy thì ngày càng quy mô và bài bản. Điều đó đã dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt những năm tới khi các nhà máy này đi vào hoạt động.

Một xu hướng trong những năm gần đây và những năm tiếp theo là các tập đoàn Dược phẩm nước ngoài với kinh nghiệm lâu năm trong sản xuất và kinh doanh dược phẩm, công nghệ hiện đại cũng như tiềm lực tài chính vô cùng lớn đang đầu tư vào Việt Nam. Thực tế này đòi hỏi Công ty phải nâng cao hơn nữa chất lượng các sản phẩm thuốc, cải tiến công nghệ và đa dạng hóa các chủng loại sản phẩm, cập nhật liên tục các sản phẩm thế hệ mới nhưng giá cả hợp lý, thị trường có nhu cầu thực sự, xây dựng hệ thống phân phối uy tín, lan tỏa đến mọi nơi, đạt độ tin cậy trong giới y khoa và người tiêu dùng để có thể tồn tại và cạnh tranh trên chính thị trường.

## **RỦI RO KHÁC**

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài

sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLĐ, đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC...

## **RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP**

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các điều Luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Dược... Song Luật pháp và các văn bản dưới luật, các quy định của ngành, hướng dẫn về thuế thường xuyên thay đổi, chưa đồng bộ và đang trong quá trình hoàn thiện nên sẽ tác động đến kết quả kinh doanh và định hướng của Công ty. Việc này dễ dẫn đến nguy cơ bị kiện tụng, tranh chấp, bồi thường có thể xảy ra nếu Công ty không am hiểu, không thường xuyên cập nhật các quy định mới. Doanh nghiệp luôn tập trung chú ý vào sự cập nhật của pháp luật cũng như là thuê các bên tư vấn để đảm bảo tính pháp lý trong việc sản xuất và vận hành. Hơn thế nữa, công ty đã và đang thực hiện việc đào tạo các chuyên viên pháp lý để kịp thời nắm bắt và cập nhật kiến thức pháp luật.

## RỦI RO VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Năm 2020 trở đi Cục Quản lý Dược đã đưa chuẩn PIC/S vào tiêu chuẩn. Yêu cầu của sản xuất thuốc là chuẩn GMP - WHO đòi hỏi làm đúng chuẩn. Chính sách của Cục đã rất rõ ràng: Muốn tiếp tục sản xuất thì phải đảm bảo các điều kiện theo yêu cầu của nhà máy đạt chuẩn, còn nếu không đạt thì Công ty sẽ không được quyền sản xuất nữa. Vì vậy, chỉ có các doanh nghiệp đầu tư bài bản, sản xuất bài bản mới tồn tại được. Xu hướng làm đúng chuẩn kiên quyết loại bỏ các DN thực hiện không đúng chuẩn là tất yếu trong quá trình phát triển của Ngành Dược.

Từ năm 2020 trở đi, các cơ quan quản lý yêu cầu tách riêng sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thuốc, có nghĩa là nếu muốn sản xuất đồng thời cả thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thuốc chúng ta phải nhân đôi số dây chuyền. Điều này xảy ra vì sự suy giảm nhiều của thực phẩm bảo vệ sức khỏe do thị trường mất lòng tin đối với sản phẩm cũng như cạnh tranh nhiều. Sản phẩm sản xuất của chúng ta có rất nhiều là gia công thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Sự suy giảm này cũng ảnh hưởng đến chúng ta.

## RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH DƯỢC PHẨM

Vấn đề hàng giả, hàng nhái là một trong những thực tế đáng lo ngại nhất hiện nay đối với các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Mặc dù Luật sở hữu trí tuệ ra đời đã góp phần bảo vệ các doanh nghiệp dược trước sự xâm hại của hàng giả, hàng nhái cũng như lành mạnh hóa môi trường cạnh tranh của ngành nhưng vẫn không giải quyết được triệt để rủi ro này. Dược phẩm là một loại hàng hóa đặc biệt, có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và sự an toàn của con người. Hơn nữa, chi phí đầu tư, thời gian và công sức dành cho công tác nghiên cứu và phát triển cũng như việc xâm nhập thị trường của ngành Dược cao hơn so với bất cứ ngành công nghiệp nào khác, trong khi đó tỷ lệ thành công của các thử nghiệm sản phẩm mới lại rất thấp. Bên cạnh đó, các thuốc phục vụ cho dịch bệnh, thuốc chuyên khoa luôn phải dự trữ nhưng luôn tiềm ẩn rủi ro không tiêu thụ được. Hàng hóa trong lĩnh vực Dược phẩm có thời hạn sử dụng nhất định. Việc không tiêu thụ hết sản phẩm khi hết thời hạn sử dụng mang lại rủi ro thua lỗ cho doanh nghiệp. Trước những rủi ro mang tính đặc thù đó, Công ty phải có những biện pháp phù hợp cũng như khả năng xây dựng kế hoạch tiêu thụ và luân chuyển sản phẩm một cách hợp lý để hạn chế những rủi ro này.

## RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Do đặc thù ngành hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, Công ty phải chịu tác động trực tiếp từ sự biến động của giá nguyên vật liệu đầu vào, nguồn sản xuất, xuất xứ của nguyên liệu. Đặc biệt, với những lĩnh vực đặc thù như ngành Dược, Công ty phải chịu sự quản lý chặt chẽ của nhà nước về giá bán đầu ra. Chính vì thế, Công ty phải gánh chịu những rủi ro đặc thù, tiềm ẩn những biến động khó lường. Đặc biệt là năm 2021 đại dịch tái bùng phát trên toàn thế giới trong đó có Việt Nam và ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, đến chuỗi cung ứng toàn cầu trong đó có nguyên liệu của ngành dược, tình trạng thiếu NPL, giá cả tăng, chi phí vận chuyển tăng... dẫn đến nhiều DN phải ngừng nghỉ SX, phá sản. Để giảm thiểu sự ảnh hưởng của biến động giá cả nguyên vật liệu đến hiệu quả kinh doanh, Công ty đã thương lượng với các nhà cung ứng về giá và chủ động

thực hiện việc thu mua dược liệu để duy trì sự ổn định lâu dài về chi phí đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.



**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**  
**DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO**  
**NGUỒN NHÂN LỰC**  
**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**  
**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN**  
**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG**

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2019	2020/ 2019
Doanh thu thuần	Đồng	640.694.619.989	662.245.382.318	96,74%
Giá vốn hàng bán	Đồng	471.745.481.826	506.088.940.692	93,21%
Lợi nhuận gộp	Đồng	168.949.138.163	156.156.441.626	108,19%
Doanh thu hoạt động tài chính	Đồng	47.527.410	292.044.994	16,27%
Chi phí hoạt động tài chính	Đồng	13.033.225.773	10.425.107.168	125,02%
Chi phí bán hàng	Đồng	53.755.329.199	48.317.557.745	111,25%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng	66.566.780.668	65.115.836.227	102,23%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Đồng	35.641.329.933	32.589.985.480	109,36%
Lợi nhuận khác	Đồng	283.720.681	715.827.997	39,64%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	35.925.050.614	33.305.813.477	107,86%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	28.573.330.284	26.516.217.027	107,76%

### Tổng doanh thu:

- Doanh thu thuần 2020 giảm 3,26% so với 2019, trong khi năm 2019 giảm 10,01% so với 2018

### Tổng chi phí:

- Trong năm 2020, chi phí tài chính tăng 25,02% so với năm trước.
- Trong năm 2020, chi phí bán hàng tăng 11,25% và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng 2,23% so với năm trước.

### Lợi nhuận:

- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 35.925.050.614 đồng, tăng 7,86% so với năm 2019, tương đương số tiền : 2.619.237.137đ. Mặc dù doanh thu năm 2020 giảm so với năm 2019 3,26% , nhưng do cơ cấu doanh thu hàng SX tăng làm lợi nhuận gộp tăng 8,19% , trong khi đó tổng chi phí gồm chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2020 chỉ tăng so với năm 2019 là 7,6% , tốc độ tăng thấp hơn tốc độ tăng của lợi nhuận gộp là 0,59% , như vậy công ty đã tiết kiệm được chi phí /1đồng doanh thu và đây là nguyên cơ bản là cho lợi nhuận trước thuế TNDN năm nay cao hơn năm trước.

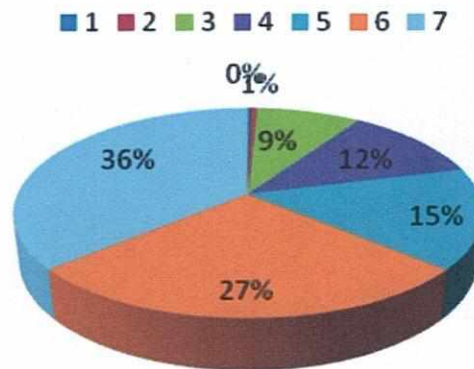


**Hoạt động sản xuất năm 2020**

(ĐVT: nghìn đồng)

Chỉ tiêu	TH 2020	TH 2019	TH 2020/ 2019
Phân xương ống	40.266.684	39.438.021	102,10%
Phân xương Cao nước	22.276.549	29.831.841	74,67%
Phân xương viên	71.220.436	82.356.165	86,48%
Phân xương nang mềm	94.658.559	100.054.330	94,61%
Phân xương Kem mỡ nước	30.429.270	20.995.928	144,93%
Phân xương Viên 2 - EU	525.911	0	
Phân xương Khẩu trang	1.447.700	0	
<b>Tổng giá trị sản lượng</b>	<b>260.834.109</b>	<b>272.676.285</b>	<b>95,66%</b>

**CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG SX THEO PHÂN XƯƠNG NĂM 2020**



1- Phân xương viên EU - 2

5- Phân xương Ống

2- Phân xương Khẩu trang;

6- Phân xương Viên

3- Phân xương Cao Nước

7- Phân xương Nang Mềm

4- Phân xương Kem mỡ nước

**Công tác kế hoạch sản xuất:** Đây là mảng công việc gặp rất nhiều khó khăn do trong năm công ty đã thay đổi tư duy phương pháp điều hành và quản lý mới. Hơn thế nữa, tỷ lệ phần trăm khách hàng đặt gia công tại công ty còn cao, nhiều yếu tố phụ thuộc vào khách hàng nên công ty

phải sản xuất theo nhu cầu của khách hàng dẫn đến việc không chủ động được trong công tác kế hoạch và sản xuất.

♦ Giá trị sản lượng sản xuất năm: 260.914.743.520đ; đạt 71,3% so với kế hoạch; giảm : 3,5% so với năm 2019, tương đương số tiền : 11.751.462.750đ.

Năm 2020 chúng ta không hoàn thành chỉ tiêu “*Giá trị sản lượng sản xuất*”. Nguyên nhân chính là từ năm 2019 dự án đầu tư nhà máy mới HDPHARMA tại Cẩm Thượng đã thẩm định xong GMP - WHO ,nhưng sự ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 từ đầu năm 2020 đến nay đã làm chậm lại lộ trình thẩm định, cấp chứng chỉ GPM EU và chưa đưa vào hoạt động được , mặt khác đại dịch Covid – 19 ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình bán hàng, quá trình sản xuất cũng như kế hoạch phát triển thị trường của công ty.

# DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông Nguyễn Trung Việt**  
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Ngày tháng năm sinh: 26/4/1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học xã hội

Quá trình công tác:

♦ Từ năm 1997 – tháng 03/2014: Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Vinasun – Ucraina – Kiev

♦ Từ tháng 04/2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 4.056.300 cổ phiếu chiếm 40,56% vốn Điều lệ.



**Bà Nguyễn Thị Tú Anh**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc

Ngày tháng năm sinh: 01/9/1965

Trình độ chuyên môn: Dược sỹ Đại học

Quá trình công tác:

♦ Từ tháng 02/1989 đến tháng 10/1991: Đại lý thuốc cho Hiệu thuốc Trung tâm – Xí nghiệp Liên hợp Dược Hải Hưng

♦ Từ tháng 11/1991 đến tháng 7/1995: Tổ trưởng Tổ Pha chế thuốc Tiêm – Xí nghiệp Liên hợp Dược Hải Hưng

♦ Từ tháng 8/1995 đến tháng 3/2003: Mật dịch viên bán thuốc tại Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 04/2003 đến tháng 10/2011: Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 11/2011 đến tháng 03/2016: Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 04/2016 đến nay: Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 400.800 cổ phiếu chiếm 4,01% vốn Điều lệ.



**Ông Trần Phúc Dương**

Thành viên Hội Đồng  
Quản Trị .

Ngày tháng năm sinh: 10/10/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

◆ Từ năm 1989 – năm tháng 07/2015: Tự kinh doanh

◆ Từ tháng 08/2015 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc Khu vực Miền Nam

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 406.125 cổ phiếu chiếm 4,06% vốn Điều lệ.

Health Care  
Doctor  
Hospital  
Pharmacist  
Nurse  
Dentist  
First Aid  
Surgeon  
Emergency

## BAN KIỂM SOÁT



**Bà Phạm Thị Thủy**  
Trưởng Ban Kiểm Soát

Ngày tháng năm sinh: 02/5/1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

◆ Từ tháng 10/1992 - tháng 3/2015: Nhân viên Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 4/2015 - tháng 11/2015: Thanh tra Tài chính - Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

◆ Tháng 12/2015 - tháng 10/2016: Thanh tra Tài chính, Trợ lý Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

◆ Tháng 11/2016 - nay: Thanh tra Tài chính, Trợ lý Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Thanh tra Tài chính, Trưởng ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 25.000 cổ phiếu chiếm 0,25% vốn điều lệ.



**Ông Trần Kim Cương**  
Thành viên Ban Kiểm Soát

Ngày tháng năm sinh: 10/01/1975

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học

Quá trình công tác:

◆ Từ tháng 7/1996 - tháng 8/2004: Mậu dịch viên bán thuốc tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 10/2004 - tháng 3/2009: Chủ nhiệm Hiệu thuốc Chí Linh tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 4/2009 - nay: Giám đốc Chi nhánh Thị xã Chí Linh - Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc Chi nhánh công ty cổ phần dược VTYT Hải dương tại Thành phố Chí Linh - Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 33.312 cổ phiếu chiếm 0,333% vốn Điều lệ.



**Bà Nguyễn Thị Hương  
Lan**  
Thành viên Ban Kiểm  
Soát

Ngày tháng năm sinh: 06/08/1987

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

◆ Từ tháng 12/2010 – tháng 12/2013: Nhân viên Phòng Nghiệp vụ Kinh doanh tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 01/2014 – tháng 02/2015: Phó Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 03/2015 – tháng 06/2018: Phó Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất- Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty Dược Vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 07/2018 đến tháng 11/2020: Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 12/2020 đến nay: Phó phòng Cung ứng tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 4.725 cổ phiếu chiếm 0,047% vốn Điều lệ.

Health Care  
Doctor  
Hospital  
Pharmacist  
Nurse  
Dentist  
First Aid  
Surgeon  
Emergency

## BAN LÃNH ĐẠO

**Ông Vũ Văn Xuyên**

Phó Tổng Giám Đốc



**Ông Vũ Văn Xuyên**

Phó Tổng Giám Đốc

Ngày tháng năm sinh: 04/11/1962

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Chuyên khoa cấp I

Quá trình công tác:

◆ Từ năm 1985 – tháng 02/1997: Công tác tại Xí nghiệp Liên hợp Dược Hải Hưng

◆ Từ tháng 03/1997 – tháng 11/2007: Công tác tại trường Cao đẳng Dược Hải Dương

◆ Từ tháng 11/2007 – tháng 02/2016: Công tác tại Công ty TNHH Dược phẩm Hải Linh

◆ Từ tháng 03/2016 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Phó Tổng Giám Đốc

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 230.750 cổ phiếu chiếm 2,31 vốn Điều lệ.



**Ông Đỗ Ngọc Sơn**

Phó Tổng Giám Đốc

Ngày tháng năm sinh: 02/04/1974

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

◆ Từ 1996- 12/2001: Nhân viên giới thiệu thuốc (TDV) Công ty United Pharma, Phillipin

◆ Từ 1999- 2001: Sinh viên trường Đại học Kinh tế quốc dân, khoa Thương mại quốc tế

◆ Từ 02/2002- 4/2006: Chi nhánh công ty CPDP Vĩnh Phúc tại Hà Nội

◆ Từ 5/2006- 5/2012: Chi nhánh công ty CPDP Vĩnh Phúc tại Hà Nội

◆ Từ 6/2012 - 7/2020: Công ty CPDP Vĩnh Phúc

◆ Từ 8/2020- nay: Công ty CP Dược VTYT Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 10.000 cổ phiếu chiếm 0,1% vốn Điều lệ.



**Ông Đặng Văn Việt**  
Giám Đốc Chất lượng

Ngày tháng năm sinh: 05/10/1965

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

◆ Từ tháng 5/1991 - tháng 5/1995: Cán bộ Hiệu thuốc Đông Anh – Hà Nội

◆ Từ 6/1995 - năm 2001: Quản đốc Phân xưởng tại Công ty Cổ phần Traphaco Hà Nội

◆ Từ 2002 - tháng 12/2003: Giám đốc Công ty Cổ phần Traphaco Sapa

◆ Từ tháng 1/2004 - tháng 3/2007: Giám đốc sản xuất Công ty Cổ phần Nam Dược Hà Nội

◆ Từ tháng 4/2007 - tháng 10/2012: Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 11/2012 - tháng 4/2015: Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 5/2015 đến nay: Giám đốc Chất lượng tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc Chất lượng

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 39.812 cổ phiếu chiếm 0,398% vốn Điều lệ.



**Ông Phạm Văn Quý**  
Giám Đốc sản xuất

Ngày tháng năm sinh: 17/04/1982

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

◆ Từ tháng 01/2008 – tháng 8/2008: Công tác tại Công ty Cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc.

◆ Từ tháng 9/2008 – tháng 9/2009: Công tác tại Công ty Trang thiết bị Y tế Hanomed.

◆ Từ tháng 01/2010 – tháng 01/2020: Công tác tại Công ty Cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc.

◆ Từ tháng 02/2020 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc sản xuất

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 0 cổ phiếu chiếm 0% vốn Điều lệ.





**Ông Chu Văn Long**  
Kế Toán Trưởng

Ngày tháng năm sinh: 06/02/1966

Trình độ chuyên môn: Đại học tài chính kế toán – Chuyên ngành kế toán

Quá trình công tác:

♦ Từ năm 1993–năm 1997: Nhân viên kế toán- Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ năm 1998–năm 2003: Phó phòng kế toán – Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ 2004 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Dược vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Kế toán trưởng

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 36.012 cổ phiếu chiếm 0,36% vốn Điều lệ.

Health Care  
Doctor  
Hospital  
Pharmacist  
Nurse  
Dentist  
First Aid  
Surgeon  
Emergency

## NGUỒN NHÂN LỰC

Để đáp ứng nhu cầu công việc, Công ty đã tuyển dụng công nhân viên với nhiều cấp bậc trình độ khác nhau.

*Bảng cơ cấu công nhân viên năm 2020*

Tiêu chí	Số lượng 2020 (người)	Tỷ trọng 2020 (%)
Trình độ Đại học và trên Đại học	170	23%
Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	508	69%
Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	31	4,2%
Lao động phổ thông	22	3,8%
<b>Tổng</b>	<b>731</b>	<b>100%</b>

### **Công tác quản lý lao động:**

Công ty quản lý giờ làm việc; công việc chủ yếu sử dụng theo khoán việc và khoán sản phẩm để đánh giá kết quả lao động.

### **Chính sách lao động:**

Trong năm, Công ty đã thực hiện một số chương trình đào tạo nghiệp vụ, đào tạo phòng cháy chữa cháy và đào tạo cho cán bộ quản lý,...

Công tác an toàn vệ sinh lao động được triển khai theo định kỳ hàng năm.

### **Mức lương:**

Mức lương trung bình của cán bộ công nhân viên trong Công ty là 8.375.000đ/ người/ tháng.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	2020	2019	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	592.460.635.033	623.327.419.095	-4,95%
2	Doanh thu thuần	640.694.619.989	662.245.382.318	-3,25%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	35.641.329.933	32.589.985.480	9,36%
4	Lợi nhuận khác	283.720.681	715.827.997	-60,36%
5	Lợi nhuận trước thuế	35.925.050.614	33.305.813.477	7,86%
6	Lợi nhuận sau thuế	28.573.330.284	26.516.217.027	7,76%
7	Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	3.103	4.172	-25,62%

STT	Chỉ tiêu	2020	2019	% tăng giảm
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,48	1,50	-1,33%
	Hệ số thanh toán nhanh	1,02	1,08	-5,56%
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,42	0,48	-12,50%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,70	0,92	-23,91%
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho ( G.Vốn/Tồn kho BQ)	5,97	6,01	-0,67%
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,08	1,06	1,89%
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	4,43%	3,98%	0,45%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	8,21%	8,19%	0,02%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	4,82%	4,25%	0,57%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	5,56%	4,92%	0,64%

### Khả năng thanh toán:

- Trong năm 2020, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn với 1,48 lần, tuy nhiên hệ số trên đã giảm so với năm 2019 là 0,02 lần, tương đương 1,33%.
- Hệ số thanh toán nhanh của công ty năm 2020 là 1,02 lần, giảm so với năm 2019 là 0,6 lần, tương đương 5,56%..

### Về cơ cấu vốn:

- Hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm 12,5% , do tổng tài sản trong năm 2020 của Công ty giảm ít hơn Nợ phải trả. Cụ thể, tổng tài sản giảm 4,95% còn nợ phải trả giảm tới 13,60% so với năm 2019.
- Hơn thế nữa, Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu cũng giảm đáng kể : 23,91% , do nợ phải trả giảm mạnh 18,42% trong khi đó vốn chủ sở hữu tăng 7,51% so với năm 2019.

### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

- Chỉ số vòng quay hàng tồn kho trong năm 2020 giảm 0,67% do tốc độ hàng tồn kho giảm 3,11% so với 2019, thấp hơn tốc độ giảm của tổng giá vốn hàng bán năm 2020 so với năm 2019, cụ thể là giảm 6,78%.
- Chỉ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản giảm do doanh thu thuần năm 2020 tăng 1,89% do tốc độ giảm của doanh thu thuần giảm 3,26% chậm hơn tốc độ giảm của tổng tài sản so với năm trước, cụ thể là giảm 4,95% .

### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

- Lợi nhuận sau thuế tăng dẫn tới các hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu và Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản cũng tăng theo.



Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,69	2,03	1,85	1,50	1,48
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1	1,17	1,30	0,93	0,70
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,89	1,56	1,15	1,06	1,08

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

### Thông tin cổ phiếu:

Số lượng cổ phần:	9.999.450 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 Đồng
Số lượng cổ phiếu ưu đãi:	0 cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông:	9.999.450 cổ phiếu
Số cổ phiếu đang lưu hành:	9.999.450 cổ phiếu
Số cổ phần chuyên nhượng tự do:	9.999.450 cổ phiếu
Số cổ phần bị hạn chế chuyên nhượng:	0 cổ phiếu

### Cơ cấu cổ đông năm 2020

*Bảng cơ cấu Cổ đông theo loại hình sở hữu*

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)
1	<b>Cổ đông trong nước</b>		
	- Tổ Chức	0	-
	- Cá nhân	381	98,42%
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>		
	- Tổ chức	3	1,546%
	- Cá nhân	2	0,034
	<b>% Tổng cộng</b>		<b>100%</b>

*Bảng cơ cấu Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu*

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	0	-
2	<b>Cổ đông sáng lập</b>	581.532	5,815%
3	<b>Cổ đông lớn</b>	<b>5.695.037</b>	<b>56,951%</b>
	Trong nước	5.695.037	56,951%
	Nước ngoài		
4	<b>Cổ đông khác</b>		
	Trong nước	3.565.376	35,654%
	Nước ngoài	158.000	1,58%
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>100%</b>

**Danh sách cổ đông lớn:**

Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL
Nguyễn Trung Việt	001069002861	Khu đô thị Ciputra, Quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	4.056.300	40,56%
Trần Mai Lan	001171004106	1506 P2 KĐT Nam Thăng Long, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	1.638.737	16,38%

MEDICAL

MEDICAL





# **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH  
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ  
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI**

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2019	2020/ 2019
Doanh thu thuần	Đồng	640.694.619.989	662.245.382.318	96,74%
Giá vốn hàng bán	Đồng	471.745.481.826	506.088.940.692	93,21%
Lợi nhuận gộp	Đồng	168.949.138.163	156.156.441.626	108,19%
Doanh thu hoạt động tài chính	Đồng	47.527.410	292.044.994	16,27%
Chi phí hoạt động tài chính	Đồng	13.033.225.773	10.425.107.168	125,02%
Chi phí bán hàng	Đồng	53.755.329.199	48.317.557.745	111,25%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng	66.566.780.668	65.115.836.227	102,23%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Đồng	35.641.329.933	32.589.985.480	109,36%
Lợi nhuận khác	Đồng	283.720.681	715.827.997	39,64%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	35.925.050.614	33.305.813.477	107,86%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	28.573.330.284	26.516.217.027	107,76%

### Đánh giá chung:

Năm 2020 là một năm hết sức khó khăn đối với Công ty Dược Vật tư Y tế Hải Dương nói riêng và toàn ngành Dược Việt Nam nói chung, do ảnh hưởng của dịch Covid – 19 đến kinh tế toàn cầu: Sản xuất, lưu thông bị ngừng trệ, kinh tế suy thoái...

### Công tác sản xuất

- Chỉ tiêu sản xuất trong năm 2020: Giá trị sản lượng sản xuất năm: 260.914.743.520đ; đạt 71,3% so với kế hoạch; giảm : 3,5% so với năm 2019.

### Doanh thu và lợi nhuận

-Doanh thu thuần 2020 giảm 3,26% so với 2019, và giảm 24,4% so với kế hoạch. Nguyên nhân là do sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường tiêu thụ làm cho doanh số của nhóm hàng gia công và nhóm hàng kinh doanh thương mại giảm và đặc biệt là sự ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 đến quá trình bán hàng, quá trình sản xuất cũng như kế hoạch phát triển thị trường theo chiến lược kinh doanh mới của công ty năm 2020 bị chậm lại.

-Lợi nhuận trước thuế TNDN: 35.925.050.614 đồng, tăng 7,86% so với năm 2019, tương đương số tiền : 2.619.237.137đ. Mặc dù doanh thu năm 2020 giảm so với năm 2019 3,26% , nhưng do cơ cấu doanh thu hàng SX tăng làm lợi nhuận gộp tăng 8,19% , trong khi đó tổng chi phí gồm chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2020 chỉ tăng số với năm 2019 là 7,6% , tốc độ tăng thấp hơn tốc độ tăng của lợi nhuận gộp là 0,59% , như vậy công ty đã tiết kiệm được chi phí /1đồng doanh thu và đây là nguyên cơ bản là cho lợi nhuận trước thuế TNDN năm nay cao hơn năm trước.



## Thị trường

Năm 2020 là năm các doanh nghiệp trong , ngoài ngành dược bị ảnh hưởng rất nhiều bởi dịch bệnh Covid – 19 , môi trường và hình thức kinh doanh có nhiều thay đổi dẫn đến thị phần có nhiều thay đổi. Thị phần lớn và cốt yếu của Công ty là thị trường Miền Trung Tây Nguyên và phía Nam, còn trên thị trường sân nhà là thị trường Hải Dương, HDPHARMA mới chỉ mạnh ở mảng bán ETC. Do môi trường cạnh tranh hết sức khốc liệt, hệ thống vận chuyển bị ách tắc trong thời gian dịch bệnh ... thị phần OTC hàng sản xuất ở các khu vực tiền năng này của Công ty tăng trưởng rất chậm chưa được dự tính.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2020	2018	% Thay đổi
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>248.046.794.242</b>	<b>287.079.839.005</b>	<b>-13,60%</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.995.539.706	24.764.870.630	-35,41%
Các khoản phải thu ngắn hạn	147.830.203.897	170.873.743.916	-13,49%
Hàng tồn kho	77.808.418.498	80.303.541.970	-3,11%
Tài sản ngắn hạn khác	6.412.632.141	11.137.682.489	-42,42%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>344.413.840.791</b>	<b>336.247.580.090</b>	<b>+ 2,43%</b>
Tài sản cố định	322.438.813.241	319.287.312.233	+ 0,99%
Tài sản dở dang dài hạn	21.705.091.725	15.609.399.216	+ 39,05%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	20.000.000	-100,00%
Tài sản dài hạn khác	269.935.825	1.330.868.641	-79,72%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>592.460.635.033</b>	<b>623.327.419.095</b>	<b>-4,95%</b>
<b>Nợ phải trả</b>	<b>244.460.098.139</b>	<b>299.658.676.360</b>	<b>-18,42%</b>
Nợ ngắn hạn	167.332.617.588	191.487.170.879	-12,61%
Nợ dài hạn	77.127.480.551	108.171.505.481	-28,70%
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>348.000.536.894</b>	<b>323.668.742.735</b>	<b>+ 7,52%</b>
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>592.460.635.033</b>	<b>623.327.419.095</b>	<b>-4,95%</b>

### Tài sản

Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Công ty có thay đổi trong năm 2020 .

#### Tài sản ngắn hạn:

Tổng tài sản ngắn hạn năm 2020 giảm 13,6% so với năm 2019, nguyên nhân là do công nợ phải thu chiếm tỷ trọng lớn ( 59,6%) và giảm tới 13,49% ; Tiền và các

khoản tương đương tiền, hàng tồn kho cũng như tài sản ngắn hạn khác cũng giảm.

#### Tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn năm 2020 có sự tăng nhẹ, cụ thể tăng 2,43% so với năm 2019. Lý do tăng do đầu tư thêm MM- TB sản xuất + đầu tư XD cơ sở vật chất: Nhà văn phòng + bán hàng cho Chi nhánh tại TP Hồ chí Minh .

### **Nợ phải trả**

Trong 2020, cơ cấu nợ đã thay đổi và giảm 18,42% trong đó nợ ngắn hạn giảm 12,61% , Nợ dài hạn cũng giảm 28,7% so với 2019. Công ty đã giảm nợ phải trả người bán và đặc biệt trả trước hạn nợ vay trung hạn .

### **Vốn chủ sở hữu**

Trong năm 2020, Vốn chủ sở hữu của Công ty tăng lên 7,52%, chủ yếu do lợi nhuận sau thuế từ kết quả SX - Kinh doanh năm 2020 chưa phân phối.

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Năm 2020, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức, quản lý, phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc nền văn hóa kinh doanh mới đã được thiết lập, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của công ty

Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý.

Năm 2020 công ty đã khai thác triệt để hơn phần mềm quản trị tổng thể doanh nghiệp - ERP vào khâu lập kế hoạch sản xuất, quản trị bán hàng và quản trị tài chính - kế toán, từ đó góp phần làm cho công tác tài chính, hệ thống các qui trình, qui chuẩn công việc, qui chế quản lý tài chính toàn công ty được kiện toàn hơn;

Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất.



Công tác quản trị của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định Luật Doanh

NGHIỆP SỐ 38/2019/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Công ty bảo đảm môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Các báo cáo tài chính của Tổng công ty được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản



xuất kinh doanh của Tổng công ty và được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Tổng công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình, góp phần giúp cho Tổng công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Tổng công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị công ty, hướng tới áp dụng thành công các thông lệ quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các giải pháp hỗ trợ trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

*Năm 2021 cạnh tranh trong thị trường Dược phẩm trong nước sẽ càng khốc liệt hơn, ảnh hưởng đến SX, phân phối của đại dịch Covid – 2019 tái bùng phát lần 3 tại Việt Nam và trên toàn cầu ngày càng rõ rệt và nghiêm trọng hơn, Ban giám đốc Công ty sẽ đánh giá đúng về năng lực của hệ thống kinh doanh, đánh giá đúng các đối thủ cạnh tranh; có những định hướng cụ thể và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thị trường:*

### **Thay đổi chính sách khách hàng phù hợp**

Không ngừng hoàn thiện chính sách phục vụ sản xuất kinh doanh

- ❶ Các phòng ban chức năng, Phòng khách hàng gia công, Khối kinh doanh, đặc biệt bộ phận dịch vụ khách hàng, tiếp nhận thông tin nhanh nhạy, đáp ứng kịp thời thỏa mãn khách hàng.
- ❷ Đặc biệt tập trung hoàn thiện các Chính sách trong công tác nghiên cứu thực nghiệm; Định mức lao động năng suất định mức lương cho từng sản phẩm.
- ❸ Tiếp tục triển khai xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GMP, GLP, GSP, ISO9001 : 2015 hiện hành.
- ❹ Kiên trì xây dựng và thực hiện chính sách tổng chất lượng để tạo niềm tin cho khách hàng.
- ❺ Tập trung nghiên cứu, phát triển một số mặt hàng chiến lược, có giá trị cao tạo ra những sản phẩm thương hiệu cho HD PHARMA.
- ❻ Đầu tư thêm thiết bị máy móc để tăng năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm.
- ❼ Nâng cao trình độ kỹ năng, phát huy sáng kiến cải tiến.
- ❽ CBCNV thực hiện công việc theo đúng quy trình quy chuẩn công việc, qui chuẩn văn hóa doanh nghiệp đã ban hành.
- ❾ Thực hiện tốt công tác thẩm định GMP-EU dây chuyền sản xuất thuốc viên, cốm sủi không chứa kháng sinh nhóm Betalacatam, các dây chuyền sản xuất thuốc hiện có đạt chuẩn GMP – WHO và thực phẩm bảo vệ sức khỏe khi đến hạn.

### **Chính sách kinh doanh:**

- ❶ Không ngừng hoàn thiện và thực hiện tốt mục tiêu “lấy khách hàng là trung tâm”.
- ❷ Hệ thống kinh doanh là những bộ phận đại diện cho Công ty tiếp xúc trực tiếp với khách hàng, là cầu nối để đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng. Theo xu hướng thị trường cạnh tranh hiện nay, Khối Kinh doanh nhận định toàn bộ hệ thống phải liên tục hoàn thiện để đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Do đó cần liên tục hoàn thiện các

chính sách để hướng tới phục vụ khách hàng tốt nhất, đem tới cho khách hàng tổng chất lượng tốt nhất từ sản phẩm đến các dịch vụ cung ứng hàng hóa.

#### **Năm 2021 Hoàn thiện các chính sách cụ thể:**

- Chính sách lương thưởng, năng suất: tạo thu nhập ổn định và động lực cho nhân sự kinh doanh thực hiện doanh số bán hàng
- Chính sách khoán kinh doanh phù hợp để các bộ phận thực hiện.
- Chính sách bán hàng, marketing phù hợp với sản phẩm và thị trường.
- Hoàn thiện hệ thống phân phối Toàn Quốc lấy : CN Hà Nội, Chi nhánh Miền Trung tại Đà Nẵng , Chi nhánh HCM và tiếp tục mở CN tại Cần Thơ, làm trung tâm, lòng cốt cho hệ thống phân phối mới.

#### **Công tác Kinh doanh**

- Phân đấu doanh số bán ra đạt chỉ tiêu: 800 tỷ đã đề ra cho năm 2021.
- Chuyên nghiệp hóa công tác của Tổ thầu. mục đích đưa hàng Hải Dương sản xuất ra phạm vi ngoài tỉnh bằng cả hai hình thức dự thầu tự làm thầu và liên doanh với Công ty bạn.
- Hoàn thiện hệ thống bán hàng OTC để tạo thương hiệu Hải Dương, xây dựng thói quen dùng hàng Hải Dương, đưa hàng HDPHARMA đến các vùng miền của cả nước.
- Đầu tư cho hệ thống bán hàng tại các tỉnh, có chính sách bán hàng tốt nhất để các đại lý, các cộng tác viên gắn bó với hàng Hải Dương.

#### **Công tác hoàn thiện hệ thống bán hàng sản xuất**

- Hệ thống OTC: Xây dựng và kiện toàn lại toàn bộ hệ thống nhân sự từ QLV đến TDV toàn quốc theo đúng chiến lược kinh doanh đã duyệt.
- Lựa chọn nhà phân phối ,giám sát trình dược viên và nhà phân phối để đạt được mục tiêu phù hợp tốt ,quản lý nhân viên và hàng hóa công nợ chặt chẽ hiệu quả.
- Hệ thống ETC: Giữ vững ổn định về mặt nhân sự, phát triển địa bàn sâu và xây dựng mối quan hệ tốt với các bệnh viện, các sở ban ngành. Kiện toàn một số tỉnh như Vĩnh Phúc, thái nguyên ,Phú Thọ, Sơn la, Tuyên Quang, Hà Giang và các tỉnh ở miền Nam ,miền trung mà công ty chưa làm thầu.
- Triển khai giới thiệu và bán các mặt hàng mới mà Hội đồng triển khai sản phẩm mới đã đăng kí và triển khai đưa ra thị trường những mặt hàng thay đổi lại mẫu mã, chất lượng.
- Các chi nhánh phối hợp cùng phòng kinh doanh, phòng marketing xây dựng các chương trình khuyến mại sản phẩm phù hợp với thị hiếu của khách hàng.
- Hoàn thiện kinh doanh và phòng marketing triển khai các hội thảo ,hội nghị khách hàng tại các tỉnh.

- Khối kinh doanh phối hợp cùng các phòng ban (Marketing, Đảm bảo chất lượng,...) để đào tạo nhân sự QLV, TDV trong năm 2021, mô hình làm theo nhóm, theo vùng.
- Phân đầu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giá trị sản lượng sản xuất là :370 tỷ năm 2021 với chất lượng sản phẩm ổn định, liên tục hoàn thiện cung cấp hàng kịp thời cho khách hàng.
- Kế hoạch doanh số kinh doanh năm 2021 là : 800 tỷ ( đã trừ doanh thu nội bộ).



## **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT  
ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC**

# **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Năm 2021 là một năm khó khăn không chỉ riêng Công ty mà còn chung cho cả ngành Dược Việt Nam. Thị trường cạnh tranh khốc liệt với sự tham gia của các tập đoàn dược phẩm nước ngoài, sự bùng nổ của dòng tiền chảy vào ngành, bão hòa của thực phẩm chức năng, sự quản lý gắt gao nâng chuẩn của các cơ quan quản lý, sự tăng giá chóng mặt của nguyên vật liệu ngành Dược, và đặc biệt là ảnh hưởng của Đại dịch Covid – 19 đến đời sống và kinh tế toàn cầu, các chuỗi cung ứng liên kết kinh tế bị đứt gãy, sản xuất kinh doanh bị đình trệ và suy thoái, hầu hết các nền kinh tế của các nước có GDP đều tăng trưởng âm...

Chúng ta đã vượt qua những khó khăn năm 2020 với kết quả SX – KD là có sự tăng trưởng về lợi nhuận và sử dụng hợp lý các nguồn lực. Toàn thể CBCNV vẫn đủ việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động.

## **Doanh thu và lợi nhuận**

- Doanh thu thuần 2020 giảm 3,26% so với 2019, và giảm 24,4% so với kế hoạch.

-Lợi nhuận sau thuế TNDN: 28.573.330.284 đồng, tăng 7,76% so với năm 2019, tương đương số tiền : 2.057.113.257đ. So với kế hoạch đạt 105,83% hay vượt kế hoạch 5,83%.

## **Tình hình sản xuất:**

Giá trị sản lượng sản xuất năm: 260.834.109.000đ; đạt 71,3% so với kế hoạch; giảm : 4,3% so với năm 2019.



### Công tác Dự án:

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai dự án xây dựng dây chuyền sản xuất thuốc viên, cốm, sủi không chứa kháng sinh Betalactam đạt tiêu chuẩn GMP- WHO và GMP-EU tại nhà máy Cẩm Thượng với mức đầu tư là 300 tỷ đồng theo nghị quyết Đại hội cổ đông. Đến nay công tác xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị nhà xưởng đã hoàn thành và đã thực hiện đúng các quy trình, quy định về việc đầu tư của công ty. Tuy nhiên đến hết năm 2020 việc thẩm định và cấp chứng chỉ tiêu chuẩn GMP - EU cho dây chuyền sản xuất Thuốc viên, cốm, sủi không chứa nhóm kháng sinh Betalactam vẫn chưa xong , do sự ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 từ đầu năm 2020 đến nay đã làm chậm lại lộ trình thẩm định GPM EU , do vậy nhà máy mới chưa đưa vào sản xuất được.



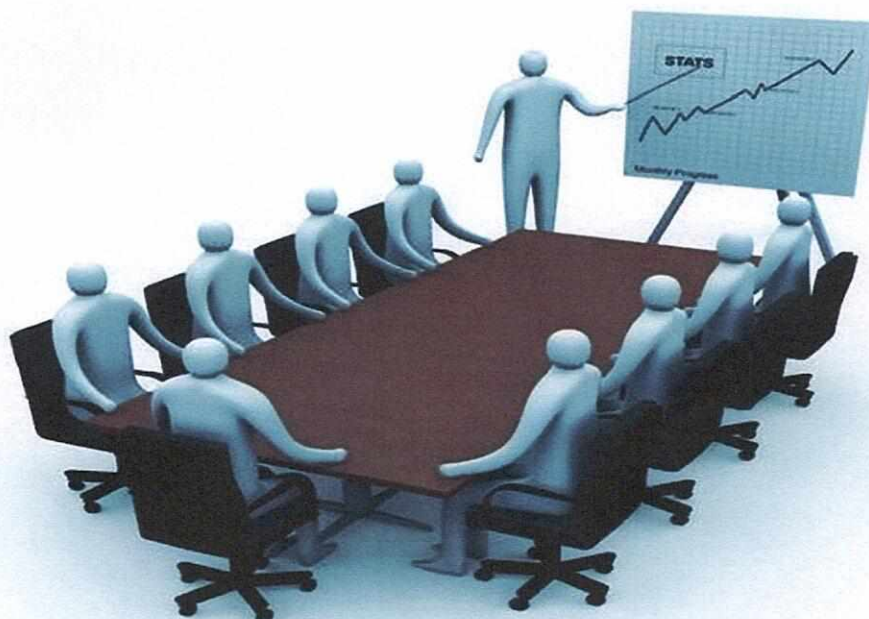


Máy đóng túi tiêu chuẩn EU



## CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tiếp tục triển khai xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GMP, GLP, GSP hiện hành.
- Đầu tư thêm thiết bị máy móc để tăng năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm.
- Nâng cao trình độ kỹ năng, phát huy sáng kiến cải tiến.
- Hoàn thiện hệ thống bán hàng OTC để tạo thương hiệu Hải Dương, xây dựng thói quen dùng hàng Hải Dương, đưa hàng HDPHARMA đến các vùng miền của cả nước.
- Phân đầu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giá trị sản lượng sản xuất là: 370 tỷ năm 2021 với chất lượng sản phẩm ổn định, liên tục hoàn thiện cung cấp hàng kịp thời cho khách hàng.
- Kế hoạch doanh số kinh doanh năm 2021 là 800 tỷ.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động và sự phát triển của Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát, chỉ đạo đối với Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT, đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với TGD công ty thông qua báo cáo định kỳ hàng tháng của các Tiểu ban thuộc HĐQT và báo cáo chi tiết, đầy đủ, kịp thời của TGD về tiến độ thực hiện, định hướng triển khai, những khó khăn, vướng mắc... tại các cuộc họp định kỳ hàng tháng và đột xuất của HĐQT. Qua đó nắm bắt tình hình của công ty, đề ra các quyết định kịp thời, đúng đắn, điều tiết trôi chảy và hiệu quả nhất có thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong hoạt động điều hành, Ban Tổng Giám đốc thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có trình độ, năng lực và phẩm chất; được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách, có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành công ty, tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; các định hướng chiến lược của Hội đồng quản

trị. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được Tổng Giám đốc triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch.

Hội đồng quản trị thống nhất với kết quả báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020. Các chỉ tiêu : nộp thuế, việc làm và thu nhập của người lao động, quyền lợi của cổ đông, đầu tư phát triển sản xuất, xử lý môi trường, thực hiện nghĩa vụ xã hội... đều được báo cáo đầy đủ và phản ánh đúng tình hình thực tế của Công ty. Năm 2020 hệ thống phân phối vẫn chưa hoàn thiện, sự ảnh hưởng của sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần trong ngành dược, sự giảm sút doanh số của nhóm hàng kinh doanh thương mại, ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 đến sản xuất – kinh doanh đã làm cho năm 2020 các chỉ tiêu cơ bản : giá trị sản xuất, doanh số bán ra không hoàn thành Kế hoạch đại hội đề ra. Trong năm 2020 với tình hình kinh tế khó khăn, đại dịch bùng phát khắp nơi, nhưng ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực hết mình để thực hiện các chiến lược đề ra, chấp hành tốt các nghị quyết của hội đồng quản trị, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chấp hành tốt các chính sách pháp luật Nhà nước, phát huy tối đa năng lực của công ty và kết quả là công ty vẫn duy trì ổn định công việc và thu nhập cho người lao động, lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch 5,83% và tăng trưởng 7,76% so với năm 2019.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT**  
**CÁC NGHỊ QUYẾT TRONG NĂM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Thành viên và cơ cấu Hội Đồng Quản Trị**

Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ
Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	4.056.300
Nguyễn Thị Tú Anh	Thành viên HĐQT/TGD	400.800
Trần Phúc Dương	Thành viên HĐQT	406.125

**Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Tên các tiểu ban	Nhiệm vụ	Đánh giá hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT
<b>Hội đồng Khen thưởng Kỹ luật</b>	- Hội đồng tham gia xem xét phân tích trước khi Chủ tịch Hội đồng quản trị ra quyết định những hình thức khen thưởng, Tổng Giám đốc quyết định những hình thức kỷ luật đối với lao động.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
<b>Hội đồng khoa học kỹ thuật</b>	- Hội đồng có trách nhiệm tư vấn cho HĐQT về những lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và chiến lược phát triển trước mắt cũng như lâu dài. Xét và công nhận những đề tài nghiên cứu, những sáng kiến cải tiến.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
<b>Hội đồng kiểm kê</b>	- Hội đồng xác định giá trị hàng hoá tài sản trên thực tế đến kỳ báo cáo hoặc số lượng tài sản, hàng hoá đến một thời điểm xác định lại giá trị.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
<b>Hội đồng thanh lý</b>	- Hội đồng giúp HĐQT xác định những tài sản, hàng hoá không còn giá trị sử dụng được đánh giá lại hoặc huỷ bỏ	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
<b>Hội đồng An toàn lao động</b>	- Tham gia, tư vấn với Tổng giám đốc và phối hợp các hoạt động trong việc xây dựng quy chế quản lý, chương trình hành động, kế hoạch bảo hộ lao động và các biện pháp an toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, môi trường, cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, các nhiệm vụ của Công ty theo pháp luật quy định.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
<b>Hội đồng nghiệm thu</b>	- Tư vấn cho Hội đồng quản trị, kiểm tra, xác nhận thực tế về chất lượng, số lượng tài sản cố định, máy móc thiết bị, công trình sửa chữa, xây dựng cơ bản hoàn thành theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.

## Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành họp thường kỳ 5 lần, để trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định các công việc định kỳ và các công việc phát sinh theo thẩm quyền như: phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh; phê duyệt các dự án đầu tư; báo cáo tài chính hàng quý, năm; kiện toàn cơ cấu nhân sự. Các cuộc họp đều tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, kết thúc mỗi cuộc họp đều lập biên bản.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi dự họp	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	10	100%	
3	Trần Phúc Dương	Thành viên HĐQT	10	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Tú Anh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	10	100%	

## Các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2020:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	25+26/ NQ/HĐQT	13/02/2020	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua số liệu báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh năm 2019</li><li>- Thành lập Tiểu ban tổ chức đại hội cổ đông và chuẩn bị các văn kiện, thủ tục pháp lý theo Luật và Điều lệ để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 nhiệm kỳ V (2019-2024) vào tháng 3/2020.</li></ul>
2	27/BB- NQ/HĐQT	13/02/2020	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua Kế hoạch vay vốn lưu động 2020 – 2021 tại NH VIB</li></ul>
3	30+31/ NQ/HĐQT	03/04/2020	<ul style="list-style-type: none"><li>- Về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019</li></ul>
4	32/BB- NQ/HĐQT	26/05/2020	<ul style="list-style-type: none"><li>- Về việc đăng ký tăng vốn điều lệ của Công ty</li></ul>
5	33/BB- NQ/HĐQT	25/05/2020	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua Kế hoạch vay vốn lưu động 2020 – 2021 tại NH BIDV</li></ul>
6	34/BB- NQ/HĐQT	10/06/2020	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tuyển dụng và bổ nhiệm Ông Đỗ Ngọc Sơn giữ chức danh Phó tổng giám đốc kinh doanh.</li><li>- Mua bảo hiểm mọi rủi ro và BH cháy</li></ul>

nỗ bắt buộc cho tài sản của công ty ở một số vị trí trong công ty tại công ty BH PTI vào T9/2020.

7	35+ 36/BB-NQ/HĐQT	17/07/2020	- Thông qua Kế hoạch vay vốn lưu động 2020 – 2021 tại NH Vietinbank
8	37/BB-NQ/HĐQT	07/08/2020	- Giao khối kinh doanh tổ chức xây dựng chính sách bán hàng phải đảm bảo nguyên tắc rõ ràng , để thực hiện và kiểm soát .
9	38/BB-NQ/HĐQT	05/11/2020	- Thông qua Kế hoạch vay vốn lưu động 2020 – 2021 tại NH VCB
10	39/ NQ/HĐQT	12/11/2020	- Về việc chấm dứt hoạt động của CN tại Thị xã Kinh Môn

### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty.
- Năm 2020, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.
- Thành viên của HĐQT độc lập có ông Nguyễn Ông Trần Phúc Dương . Trong năm 2020 các thành viên này có tham gia cùng với thành viên khác của HĐQT giải quyết các vấn đề phải thông qua HĐQT.

## BAN KIỂM SOÁT

### Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm Soát

Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ
Phạm Thị Thủy	Trưởng ban kiểm soát	25.000 CP
Trần Kim Cương	Thành viên ban kiểm soát	33.312 CP
Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên ban kiểm soát	4.725 CP

## Hoạt động của Ban Kiểm Soát:

- ❶ Ban kiểm soát có 1 trưởng ban và 2 thành viên, các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- ❷ Trong năm Ban kiểm soát đã phối hợp và làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động Công ty, góp phần đóng góp ý kiến để giải quyết các khó khăn phát sinh trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ❸ Ban Kiểm soát đã theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- ❹ Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý năm 2020 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty.
- ❺ Ban kiểm soát nhận các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Báo cáo tình hình nhiệm vụ, kế hoạch và các biện pháp thực hiện; đồng thời xem xét chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc điều hành.

### **Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về việc thực hiện nghị quyết của đại hội cổ đông năm 2020**

- ❶ Trong năm 2020 Ban Kiểm Soát không nhận được đơn thư khiếu nại nào của các cổ đông về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, về sự điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động của công ty, các văn bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật doanh nghiệp và Điều lệ.
- ❷ Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh : Năm 2020 chúng ta không hoàn thành chỉ tiêu “*Giá trị sản lượng sản xuất*” và “*Doanh thu sản xuất- kinh doanh*” . Nguyên nhân chính là từ năm 2019 dự án đầu tư nhà máy mới HDPHARMA tại Cẩm Thượng đã thẩm định xong GMP - WHO , nhưng sự ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 từ đầu năm 2020 đến nay đã làm chậm lại lộ trình thẩm định GPM EU , do vậy nhà máy mới chưa đưa vào sản xuất được . Hệ thống phân phối theo chiến lược kinh doanh mới toàn quốc đã triển khai được 3 năm, song do sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần trong Ngành dược vẫn chưa hoàn chỉnh, sự giảm sút doanh số của nhóm hàng kinh doanh thương mại , do một số đơn vị không ủy quyền thầu qua DHD và đặc biệt là sự ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 đến quá trình bán hàng, quá trình sản xuất cũng như kế hoạch phát triển thị trường của công ty.



- ❶ Chi trả cổ tức 30% theo vốn góp, tương đương với số tiền 23.999.450.000 đồng; Trong đó trả cổ tức bằng cổ phiếu là 25% với số tiền là : 19.999.450.000đ và bằng tiền mặt là 5% với số tiền là : 4.000.000.000đ
- ❷ Trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận.
- ❸ Lựa chọn công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2020
- ❹ Thực hiện xong việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức với số lượng 1.999.945 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đ/1 cổ phiếu, đồng thời đã thực hiện đăng ký lưu ký cho số cổ phiếu trên, nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông trong việc giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM.
- ❺ Về việc triển khai và đưa dự án vào hoạt động: Nhà máy mới HDPHARMA tại Cẩm Thượng đã thẩm định xong GMP - WHO từ năm 2019 , tuy nhiên đến hết năm 2020 việc thẩm định và cấp chứng chỉ tiêu chuẩn GMP EU cho dây chuyền sản xuất Thuốc viên, cốm, sủi không chứa kháng sinh Betalactam vẫn chưa xong do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 từ đầu năm 2020 đến nay, mặc dù HĐQT đã có nhiều giải pháp nhưng đến nay Đoàn chuyên gia của EU không sang thẩm định được. Việc kéo dài thời gian thẩm định , chậm đưa nhà máy vào hoạt động ảnh hưởng đến hiệu quả vốn đầu tư, làm tăng một số loại chi phí như chi phí lãi vay, chi phí bảo trì bảo dưỡng máy móc - thiết bị, chi phí tiền lương .... những chi phí này đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh chung của toàn công ty.

Công tác xây dựng Chi nhánh: Năm 2019 đã hoàn thành nhà bán hàng và văn phòng cho chi nhánh Miền trung tại Đà Nẵng, năm 2020 chúng ta đã tiếp tục đã hoàn thành và đưa vào hoạt động nhà bán hàng và văn phòng chi nhánh tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Việc đầu tư mua đất và xây dựng trụ sở kinh doanh cho 3 chi nhánh tại 3 miền là cơ sở để thực hiện chiến lược kinh doanh toàn quốc, xây dựng hệ thống kinh doanh ổn định và phát triển trong tương lai.

- ❻ Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS: năm 2020 Công ty đã chi trả thù lao đầy đủ cho các thành viên HĐQT và BKS theo qui định cũng như định mức đã được ĐHCĐ 2020 phê duyệt.

## LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập năm 2020		
		Thù lao	Thu nhập	Tổng thu nhập
<b>Hội đồng quản trị</b>				
Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	248.452.200	144.883.601	<b>393.335.801</b>
Nguyễn Thị Tú Anh	UV HĐQT	248.452.200	376.004.001	<b>624.456.201</b>
Trần Phúc Dương	UV HĐQT	248.452.200	0	<b>248.452.200</b>
<b>Ban Kiểm Soát</b>				
Phạm Thị Thủy	Trưởng BKS	82.817.500	291.418.039	<b>374.235.539</b>
Trần Kim Cương	TV. BKS	82.817.500	83.031.729	<b>165.849.229</b>
Nguyễn Thị Hương Lan	TV. BKS	82.817.500	201.139.003	<b>283.956.503</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>993.809.100</b>	<b>1.096.476.373</b>	<b>2.090.285.473</b>

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ (thay đổi do mua thêm cổ phiếu)

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	3.242.880	40,53%	4.056.300	40,56%
Ông Đỗ Ngọc Sơn	Phó Tổng GD	0		10.000	0,1%

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ (thay đổi do chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu)

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	3.245.040	40,56%	4.056.300	40,56%
Bà Nguyễn Thị Tú Anh	Thành viên HĐQT/TGD	320.640	4,01%	400.800	4,01%
Ông Trần Phúc Dương	Giám đốc khu vực Miền Nam	324.900	4,06%	406.125	4,06%
Ông Vũ Văn Xuyên	Phó TGD	184.600	2,31%	230.750	2,31%
Bà Phạm Thị Thủy	Trưởng BKS	20.000	0,25%	25.000	0,25%
Bà Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên BKS	3.780	0,05%	4.725	0,25%
Ông Trần Kim Cương	Thành viên BKS	26.650	0,33%	33.312	0,33%

# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## 2020



## THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### Giới thiệu báo cáo

Báo cáo phát triển Bền vững của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương được ghép chung trong Báo cáo thường niên để tránh trùng lặp thông tin, mang lại thông tin chất lượng và nội dung ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên có liên quan. Mục đích của Báo cáo phát triển bền vững nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Hải Dương, các chính sách liên quan đến môi trường xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

### Mục tiêu

Báo cáo Phát triển Bền vững là một phần quan trọng trong Báo cáo Thường niên nhằm giúp các nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của Công ty ở khía cạnh phát triển bền vững. Nội dung báo cáo sẽ tổng hợp, đánh giá các hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

### Cách thức xác định nội dung báo cáo

Báo cáo thường được xây dựng dựa theo hướng dẫn tiêu chuẩn của tổ chức sang kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI) phiên bản G4 theo lựa chọn “Cốt lõi” và hướng dẫn làm BCTN tại thông tư 155 của bộ Tài chính. Dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty, báo cáo đưa ra các vấn đề trọng yếu của Công ty có tác động đáng kể đến kinh tế, xã hội và môi trường.

### Kỳ báo cáo

Báo cáo được lập cho năm tài chính 2020, bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 31/12/2020. Bắt đầu từ năm 2016, Công ty đã tiến hành lập Báo cáo phát triển Bền vững định kỳ hàng năm và công bố cùng với Báo cáo Thường niên theo quy định tại thông tư 155 của Bộ Tài chính.

### Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập cho phạm vi hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương, Các đơn vị thành viên trong lĩnh vực dược phẩm và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

### Tính đảm bảo của báo cáo

Công ty tham khảo và áp dụng các chuẩn mực trong nước và quốc tế để công bố thông tin, số liệu trong báo cáo. Ngoài ra, một số dữ liệu về hoạt động của Công ty được nêu ra trong báo cáo còn có sự đảm bảo của bên thứ ba nhằm đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu. Một số dữ liệu được đảm bảo bởi bên thứ ba:

- Các thông tin tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.
- Một số chứng chỉ quan trọng trong lĩnh vực Dược phẩm.

Địa chỉ liên hệ nếu có câu hỏi:

Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Địa chỉ: Số 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, Tp. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0220.3853.848

Fax: 0220.3853.848

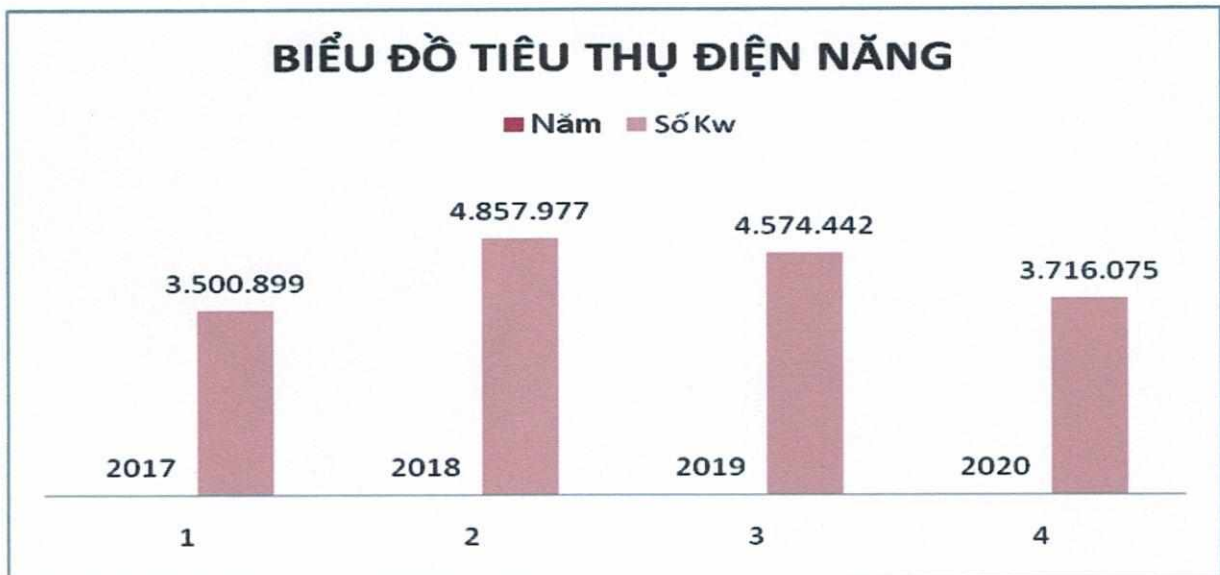
Email: [info@hdpharma.vn](mailto:info@hdpharma.vn)

## TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty đang trên đà phát triển và mở rộng quy mô trong những năm gần đây dẫn đến việc mức tiêu thụ năng lượng tăng lên.

Hiện Công ty sử dụng điện cho Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương cung cấp. Sản lượng tiêu thụ qua các năm như bảng sau:

Năm	Số Kw
2017	3.500.899
2018	4.857.977
2019	4.574.442
2020	3.716.075



Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Công ty hiện tại đang áp dụng rất tốt chính sách tiết kiệm điện. Với mục tiêu quán triệt cho toàn thể CBNV Công ty tự ý thức tiết kiệm điện, thực hiện tiết kiệm điện tại cơ quan và gia đình, Công ty đã chú trọng xây dựng các giải pháp và quy định sử dụng điện như:

- ❶ Ngắt nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị khi hết giờ làm việc
- ❷ Tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên
- ❸ Chỉ sử dụng điều hòa nhiệt độ khi thật cần thiết
- ❹ Cài đặt chế độ làm mát từ 25 độ C trở lên
- ❺ Khi cài tạo hoặc trang bị mới phải sử dụng phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao theo quy định hoặc thiết bị sử dụng điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng...

## TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn nước của Công ty được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Nước sạch Hải Dương. Khối lượng nước tiêu thụ như bảng sau:

Sử dụng năm 2019		Sử dụng năm 2020	
Khối lượng (m <sup>3</sup> )	Chi phí	Khối lượng (m <sup>3</sup> )	Chi phí
67.749	1.031.478.525	63.147	961.413.075

Công ty vẫn luôn luôn chú trọng đến chính sách tiết kiệm nước và luôn luôn quán triệt cho toàn thể CBNV Công ty tự ý thức việc sử dụng tiết kiệm nước, thực hiện tiết kiệm tài nguyên nước tại cơ quan cũng như gia đình và ngoài xã hội.



## CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Tiêu chí	Số lượng 2020 (người)	Tỷ trọng 2020 (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>		<b>100%</b>
11	Trình độ Đại học và trên Đại học	170	23%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	508	69%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	31	4,2%
4	Lao động phổ thông	22	3,8%
<b>II</b>	<b>Theo đối tượng lao động</b>		
1	Lao động trực tiếp	503	69%
2	Lao động gián tiếp	228	31%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>		
1	Nam	269	36,7%
2	Nữ	462	63,3%
<b>IV</b>	<b>Theo chức vụ</b>		
1	Quản lý	75	10%
2	Văn phòng + Khối kinh doanh	432	59%
3	Công nhân	224	31%

Ban lãnh đạo Công ty hiểu rằng, con người là nhân tố quyết định thành bại của doanh nghiệp. Trong thời gian qua, Công ty đã nỗ lực hết sức mình để tạo ra một môi trường làm việc tốt, bảo đảm quyền lợi cho CBNV, tuân thủ quy định của pháp luật về người lao động. Hơn thế nữa, Công ty có trụ sở đóng tại địa bàn không thuận tiện về giao thông, cách xa các đô thị nên công tác tuyển dụng có gặp những khó khăn nhất định. Chính vì thế, Công ty luôn áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động, nhất là đối với những lao động có kinh nghiệm và



thâm niên lâu dài tại Công ty.

Người lao động làm việc tại Công ty được tham gia BHXH-BHYT-BHTN theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra, Công ty còn thưởng thêm ngoài tiền lương cho người lao động vào các ngày Lễ, Tết; tặng tiền/ quà nhân ngày sinh nhật, hỗ trợ tiền điện thoại cho Cán bộ quản lý và cán bộ một số đơn vị; có chính sách hỗ trợ thêm đối với lao động nữ sinh con và nuôi con nhỏ (hỗ trợ tiền khi sinh con, giảm thời gian làm việc,...), khám sức khỏe định kỳ cho người lao động,...



Vào các dịp Lễ, công ty phối hợp với các đoàn thể khác tổ chức giải thể thao, văn hóa văn nghệ, tổ chức tham quan du lịch cho

CBCNV; gặp mặt, khen thưởng cho con em CBCNV có thành tích học tập tốt, tặng quà nhân ngày tết Thiếu nhi, Trung thu, gặp mặt, giúp đỡ, động viên những CBCNV có hoàn cảnh khó khăn,...



Bà Nguyễn Thị Lan Anh, Phó Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh trao Bằng khen của Tổng LĐLĐ Việt Nam cho tập thể Công đoàn Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế và Công đoàn Trung tâm y tế thị xã Chí Linh



### Công tác đảm bảo an toàn

Thành lập Hội đồng an toàn vệ sinh lao động của Công ty, Hội đồng xây dựng kế hoạch bảo hộ lao động cho từng năm, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng giai đoạn. Mạng lưới an toàn vệ sinh được xây dựng đến từng tổ sản xuất, tham gia các lớp huấn luyện do Công ty và Sở lao động thương binh và xã hội tổ chức. Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn, quy định về phòng cháy chữa cháy trong quá trình sản xuất.

Các loại vật liệu dễ cháy, nổ có nơi cất giữ riêng biệt.

Kho chứa, bình đựng được bảo đảm thiết kế bộ phận an toàn, có thiết kế thiết bị theo dõi nhiệt độ, báo cháy, bố trí mạng lưới đường ống dẫn nước phòng cháy đến tất cả các phân xưởng sản xuất, đặc các họng cứu hỏa tại các điểm gần khu sản xuất, nhà kho. Xây dựng đội phòng chống cháy nổ đảm nhiệm công tác phòng cháy chữa cháy cho khu vực Công ty. Đội phòng cháy chữa cháy luôn luôn được tập huấn theo định kỳ. Tất cả công nhân trực tiếp làm việc trong các bộ phận có khả năng xảy ra cháy nổ. Bên cạnh đó, Công ty luôn có phương án phòng cháy chữa cháy được Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy – Công an Tỉnh Hải Dương thẩm duyệt ngay từ khi xây dựng và đưa vào sử dụng. Các họng lấy nước cứu hỏa bố trí đều khắp trong khu vực nhà ở dọc theo các trục đường giao thông và hành lang công trình kết hợp bố trí các dụng cụ chữa cháy như bình CO<sub>2</sub>, bình bột,... đặt ở những địa điểm thao tác thuận lợi trong các công trình.





### **Duy trì hoạt động của Tổ quản lý môi trường**

Tổ quản lý môi trường được thành lập với trách nhiệm quản lý môi trường chung trong toàn khu vực Công ty. Tổ quản lý môi trường có trách nhiệm điều tra, giám sát và đôn đốc các cán bộ nhân viên trong Công ty giữ gìn vệ sinh môi trường, kiểm tra giám sát các nguy cơ gây sự cố môi trường. Lập kế hoạch tư vấn giám sát môi trường trong khu vực sản xuất cũng như các khu vực xung quanh theo định kỳ và chịu trách nhiệm về các vấn đề môi trường liên quan khác

### **Hoạt động đào tạo**

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch và yêu cầu thực tế của các đơn vị, Công ty tổ chức đào tạo bồi dưỡng và nâng cao chuyên môn cho người lao động

- Hoạt động đào tạo nội bộ: do Cán bộ quản lý của Công ty trực tiếp

giảng dạy. Đối tượng là CBCNV, người lao động làm việc tại các phòng, ban, phân xưởng liên quan trực tiếp đến sản xuất (đào tạo về GMP, ATVSLĐ, PCCC...)

- Công ty cử cán bộ tại các phòng/ban liên quan tham dự các lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên môn sâu do các cơ quan, đơn vị cấp trên tổ chức trong nhiều lĩnh vực: kiểm nghiệm, đảm bảo chất lượng, công tác nghiên cứu, công tác kế toán, công tác tiền lương, nghiệp vụ bảo hiểm, an toàn lao động...

- Công ty mời các đơn vị về đào tạo cho cán bộ: các lớp đào tạo kỹ năng bán hàng, đào tạo chuyên sâu về an toàn vệ sinh lao động.



## TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Song song với việc sản xuất kinh doanh của Công ty, được sự quan tâm của Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty, trong những năm qua, Công ty đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội để chung tay đẩy mạnh phát triển xã hội:

- Đóng góp từ thiện nhân đạo cho các tổ chức, đoàn thể xã hội như: Đoàn thanh niên, Liên đoàn LĐ.
- Ủng hộ người nghèo, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.
- Phối hợp cùng các đơn vị trong ngành Y tế Hải Dương tổ chức khám bệnh và cấp phát thuốc miễn phí cho gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, Hỗ trợ các bệnh viện về các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho việc khám chữa bệnh,...
- Trích nộp các quỹ: Vì người nghèo, Quỹ chất độc da cam,... đầy đủ.



DHD TRAO QUÀ CHO NGƯỜI NGHÈO TRONG “CHƯƠNG TRÌNH XUÂN ẤM TÌNH NGƯỜI” NĂM 2020

Hình ảnh Công ty trao quà ủng hộ phong trào phòng chống dịch bệnh Covid - 19



**TRÁCH NHIỆM VỚI KHÁCH HÀNG - HÌNH ẢNH HỘI NGHỊ TRI ÂN KHÁCH HÀNG NĂM 2020**





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Đã được kiểm toán**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: số 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	02-03
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	04-05
<b>Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10-30

2020  
CÔNG  
TY  
KIỂM  
TOÁN  
VIỆT  
TỬ LƯU

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: số 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được chuyển đổi từ Công ty Dược Vật tư y tế Hải Dương theo Quyết định số 5943/QĐ/UB ngày 17/12/2002 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000046 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 04 tháng 04 năm 2003, thay đổi lần thứ 17 ngày 28 tháng 05 năm 2020 với mã số doanh nghiệp là 0800011018.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

##### Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Ông: Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT
Ông: Trần Phúc Dương	Ủy viên HĐQT
Bà: Nguyễn Thị Tú Anh	Ủy viên HĐQT

##### Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Bà: Nguyễn Thị Tú Anh	Tổng Giám đốc
Ông: Vũ Văn Xuyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đỗ Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Đặng Văn Việt	Giám đốc chất lượng
Ông: Phạm Văn Quý	Giám đốc sản xuất
Ông: Phạm Văn Năm	Giám đốc kinh doanh

##### Ban Kiểm soát

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Bà: Phạm Thị Thủy	Trưởng ban
Ông: Trần Kim Cương	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: số 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - đơn vị đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức niêm yết, tổ chức phát hành và kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2021

**TM Ban Tổng Giám đốc**

  
Nguyễn Thị Tú Anh



Số: 240/BCKT/TC/NV7

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình  
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588  
Fax: (+84 24) 3868 6248  
Web: kientoamava.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được lập ngày 25/02/2021 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**TRẦN TRI DUNG**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNDKHNKT số: 0895-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ  
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2021

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Đỗ Thị Duyên".

**ĐỖ THỊ DUYÊN**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNDKHNKT số: 3642-2021-126-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>248.046.794.242</b>	<b>287.079.839.005</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>15.995.539.706</b>	<b>24.764.870.630</b>
1. Tiền	111		15.995.539.706	24.764.870.630
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>147.830.203.897</b>	<b>170.873.743.916</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	144.025.119.813	163.672.212.065
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	3.057.029.085	6.467.212.588
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	748.054.999	734.319.263
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>77.808.418.498</b>	<b>80.303.541.970</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.05	77.808.418.498	80.303.541.970
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.412.632.141</b>	<b>11.137.682.489</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	90.000.000	162.658.911
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.322.632.141	10.574.340.068
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	400.683.510
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>344.413.840.791</b>	<b>336.247.580.090</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>322.438.813.241</b>	<b>319.287.312.233</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	301.086.251.959	297.913.961.877
- Nguyên giá	222		433.659.144.226	418.907.898.602
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(132.572.892.267)	(120.993.936.725)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	21.352.561.282	21.373.350.356
- Nguyên giá	228		24.888.287.846	23.773.287.846
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(3.535.726.564)	(2.399.937.490)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>21.705.091.725</b>	<b>15.609.399.216</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	21.705.091.725	15.609.399.216
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.11		<b>20.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			20.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>269.935.825</b>	<b>1.330.868.641</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	269.935.825	1.330.868.641
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>592.460.635.033</b>	<b>623.327.419.095</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2020	01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>244.460.098.139</b>	<b>299.658.676.360</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>167.332.617.588</b>	<b>191.487.170.879</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	94.411.110.784	117.886.336.371
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	5.258.644.607	2.021.043.296
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.987.400.024	777.868.697
4. Phải trả người lao động	314		3.732.208.861	1.372.526.684
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	379.395.693	116.763.723
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	212.045.454	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	732.863.847	843.419.562
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	51.788.705.588	60.250.578.541
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.830.242.730	8.218.634.005
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>77.127.480.551</b>	<b>108.171.505.481</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	76.113.173.763	106.668.296.925
2. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.014.306.788	1.503.208.556
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>348.000.536.894</b>	<b>323.668.742.735</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.20	<b>348.000.536.894</b>	<b>323.668.742.735</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		99.999.450.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		99.999.450.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.720.000.000	28.720.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		174.594.214.888	174.594.214.888
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.686.872.006	40.354.527.847
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.328.023.547	14.014.457.860
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		28.358.848.459	26.340.069.987
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>592.460.635.033</b>	<b>623.327.419.095</b>

Người lập biểu

Trần Quốc Tuấn

Kế toán trưởng

Chu Văn Long

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2021



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Tú Anh

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
Năm 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	644.658.019.806	666.958.714.276
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.963.399.817	4.713.331.958
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	640.694.619.989	662.245.382.318
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	471.745.481.826	506.088.940.692
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		168.949.138.163	156.156.441.626
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	47.527.410	292.044.994
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	13.033.225.773	10.425.107.168
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.187.528.034	8.841.896.574
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	53.755.329.199	48.317.557.745
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	66.566.780.668	65.115.836.227
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.641.329.933	32.589.985.480
11. Thu nhập khác	31	VI.8	658.449.436	965.876.768
12. Chi phí khác	32	VI.9	374.728.755	250.048.771
13. Lợi nhuận khác	40		283.720.681	715.827.997
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.925.050.614	33.305.813.477
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	7.351.720.330	6.789.596.450
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		28.573.330.284	26.516.217.027
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	3.103	4.172
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	3.103	4.172

Người lập biểu



Trần Quốc Tuấn

Kế toán trưởng



Chu Văn Long

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2021



Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Tú Anh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

Theo phương pháp gián tiếp  
Năm 2020

Chi tiêu	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	35.925.050.614	33.305.813.477
2. Điều chỉnh cho các khoản		24.799.143.575	22.034.785.956
- Khấu hao tài sản cố định	02	13.657.762.926	14.753.066.705
- Các khoản dự phòng	03	-	(1.272.449.453)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(46.147.385)	(287.727.870)
- Chi phí lãi vay	06	11.187.528.034	8.841.896.574
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu		60.724.194.189	55.340.599.433
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	27.295.247.946	157.698.796.001
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.495.123.472	7.741.274.291
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(17.715.815.922)	(148.593.412.475)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.133.591.727	2.057.782.399
- Tiền lãi vay đã trả	14	(11.187.528.034)	(8.841.896.574)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.782.066.950)	(9.352.713.819)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(388.391.275)	(606.125.672)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>57.574.355.153</b>	<b>55.444.303.584</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(23.392.837.347)	(42.357.979.719)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	20.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	46.147.385	287.727.870
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(23.326.689.962)</b>	<b>(42.070.251.849)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	113.613.230.826	140.382.930.845
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(152.630.226.941)	(135.819.762.825)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.000.000.000)	(4.200.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(43.016.996.115)</b>	<b>363.168.020</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(8.769.330.924)</b>	<b>13.737.219.755</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>24.764.870.630</b>	<b>11.027.650.875</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>15.995.539.706</b>	<b>24.764.870.630</b>

Người lập biểu

Trần Quốc Tuấn

Kế toán trưởng

Chu Văn Long

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2021



Nguyễn Thị Tú Anh

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Năm 2020**

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được chuyển đổi từ Công ty Dược Vật tư y tế Hải Dương theo Quyết định số 5943/QĐ/UB ngày 17/12/2002 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000046 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 04 tháng 04 năm 2003, thay đổi lần thứ 17 ngày 28 tháng 05 năm 2020 với mã số doanh nghiệp là 0800011018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 99.999.450.000 đồng (*Chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty tại số 102, phố Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Tổng số lao động của Công ty tại 31/12/2020 là: 797 người.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, kinh doanh thuốc, hóa dược và dược liệu.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thuốc chữa bệnh, dược liệu, hóa chất và tinh dầu;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất vật tư y tế;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;
- Bán buôn thực phẩm khác. Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng;
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp). Chi tiết: Bán buôn hóa chất dùng cho sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, phục vụ công tác kiểm nghiệm, dùng cho bệnh viện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, vật tư y tế;
- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Bán buôn tinh dầu, dược liệu, kính mắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;



- Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ tinh dầu, dược liệu, máy móc - thiết bị y tế, hóa chất dùng cho sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, phục vụ công tác kiểm nghiệm, hóa chất dùng cho bệnh viện;
- Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Trồng cây dược liệu; Chăn nuôi khác. Chăn nuôi tắc kè, rắn (được Nhà nước cho phép);
- In ấn;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y, dược, mỹ phẩm và thực phẩm; dịch vụ kiểm tra chất lượng dược phẩm, thực phẩm chức năng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý. Chi tiết: Đại lý mua bán thuốc chữa bệnh, hóa mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dụng cụ y tế, thiết bị y tế, kính mắt, dược liệu, tinh dầu, hóa chất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà làm văn phòng, địa điểm kinh doanh, cửa hàng, nhà kho, nhà ở, bến bãi;
- Khách sạn; Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất rượu vang; Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng nhà máy sản xuất thuốc;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Bán buôn bia, rượu, nước giải khát;
- Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp**

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, phần lớn khối văn phòng và khối sản xuất của Công ty được đặt tại địa chỉ 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Ngoài ra, Công ty có 9 chi nhánh trực thuộc trong và ngoài tỉnh:

1. Chi nhánh Cẩm Giàng
2. Chi nhánh Hà Nội
3. Chi nhánh Thanh Miện
4. Chi nhánh Ninh Giang
5. Chi nhánh Chí Linh
6. Chi nhánh Miền Trung
7. Chi nhánh Kinh Môn (giải thể ngày 01/12/2020)
8. Chi nhánh Tứ Kỳ
9. Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
10. Chi nhánh Hải Dương 1 (thành lập ngày 01/01/2020)

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và thông tư số 53/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

**2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền**

Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) được xác định như sau:

- Là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch;

- Trường hợp không xác định được lãi suất ngân hàng thương mại cho vay nêu trên thì lãi suất thực tế là lãi suất Công ty có thể đi vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (như phát hành trái phiếu thường không có quyền chuyển đổi hoặc vay bằng kế ước thông thường) trong điều kiện sản xuất, kinh doanh đang diễn ra bình thường.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### **4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

#### **a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

#### **b. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

#### **c. Đầu tư vào Công ty con; Công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của

các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

**d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

**5. Nguyên tắc kế toán phải thu**

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chi tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố

của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định vào tuổi nợ của các khoản nợ quá hạn và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

### ***a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

### ***b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

### ***c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### ***d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên

quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 - 26 năm |
| - Máy móc, thiết bị      | 05 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải    | 05 - 08 năm |
| - Thiết bị văn phòng     | 03 - 05 năm |

#### 8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCD...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của

ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay**

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BDSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

#### **13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

##### **a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### **b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm

trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### **a. Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

##### **b. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### **c. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

##### **d. Thu nhập khác**

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;



- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTDB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù đi dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

#### **15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán

kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chi điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chi điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

#### **20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

##### **Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: đồng

	31/12/2020		01/01/2020	
<b>1 . Tiền và các khoản tương đương tiền</b>				
Tiền mặt tại quỹ		1.749.477.699		3.444.118.868
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		14.246.062.007		21.320.751.762
<b>Cộng</b>		<b>15.995.539.706</b>		<b>24.764.870.630</b>
<b>2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>				
a) Phải thu khách hàng		144.025.119.813		163.672.212.065
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương		8.616.523.919		7.265.388.209
- Bệnh viện Tâm thần Hải Dương		188.718.447		509.102.790
- Bệnh viện Nhi Hải Dương		511.468.453		1.163.804.153
- Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương		156.619.348		528.832.562
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh		3.302.253.738		8.173.315.832
- Công ty TNHH Golden Health USA		8.135.957.689		5.071.326.661
- Bệnh viện quân y 7 - Cục hậu cần - Quân khu 3		2.745.280.833		4.486.987.217
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gia Hiền		2.959.916.399		1.643.211.600
- Các khách hàng khác		117.408.380.987		134.830.243.041
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		-		-
<b>Cộng</b>		<b>144.025.119.813</b>		<b>163.672.212.065</b>
<b>3 . Trả trước người bán ngắn hạn</b>				
a) Trả trước cho người bán		3.057.029.085		6.467.212.588
- Công ty TNHH KT cơ điện lạnh Qui Long		770.206.910		-
- Công Ty TNHH Hoà Chất Đăng Hưng		-		343.035.000
- Công ty TNHH xây dựng thương mại tư vấn Hùng Dũng		-		1.000.000.000
- Công ty cổ phần ETACONS		1.032.737.613		2.932.045.060
- Công ty CP Thang máy và thiết bị Thành Công		-		392.628.500
- Công ty Cổ phần thiết bị MPM		-		77.285.000
- Trả trước cho người bán khác		1.254.084.562		1.722.219.028
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan		-		-
<b>Cộng</b>		<b>3.057.029.085</b>		<b>6.467.212.588</b>
<b>4 . Phải thu ngắn hạn khác</b>				
		<b>31/12/2020</b>		<b>01/01/2020</b>
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác, trong đó:	310.297.912	-	528.257.075	-
- Phải thu thuế TNCN của CBVNV	-	-	428.567.546	-
- Phải thu ngắn hạn khác	310.297.912	-	99.689.529	-
Tạm ứng	393.747.297	-	138.525.702	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	44.009.790	-	67.536.486	-
<b>Cộng</b>	<b>748.054.999</b>	-	<b>734.319.263</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**5 . Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	37.531.019.138	-	26.953.912.101	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.254.508.078	-	10.464.405.799	-
Thành phẩm	22.343.430.678	-	31.242.498.408	-
Hàng hóa	9.679.460.604	-	11.642.725.662	-
<b>Cộng</b>	<b>77.808.418.498</b>	<b>-</b>	<b>80.303.541.970</b>	<b>-</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2020: 0 đồng;

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 31/12/2020: 0 đồng;

**6 . Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	90.000.000	162.658.911
<b>Cộng</b>	<b>90.000.000</b>	<b>162.658.911</b>

**7 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm	148.586.070.470	248.536.551.468	17.991.928.764	3.793.347.900	418.907.898.602
Số tăng trong năm	5.241.980.000	10.087.720.873	906.834.546	-	16.236.535.419
- Mua trong năm		10.087.720.873	906.834.546		10.994.555.419
- Đầu tư XD CB hoàn thành	5.241.980.000				5.241.980.000
Số giảm trong năm	-	1.485.289.795	-	-	1.485.289.795
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.485.289.795	-	-	1.485.289.795
Số dư cuối năm	153.828.050.470	257.138.982.546	18.898.763.310	3.793.347.900	433.659.144.226
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	35.654.978.712	69.233.706.954	12.311.903.159	3.793.347.900	120.993.936.725
Số tăng trong năm	3.043.037.866	7.897.446.342	2.070.391.412	-	13.010.875.620
- Khấu hao trong năm	3.043.037.866	7.897.446.342	2.070.391.412	-	13.010.875.620
Số giảm trong năm	-	1.431.920.078	-	-	1.431.920.078
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.431.920.078	-	-	1.431.920.078
Số dư cuối năm	38.698.016.578	75.699.233.218	14.382.294.571	3.793.347.900	132.572.892.267
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	112.931.091.758	179.302.844.514	5.680.025.605	-	297.913.961.877
Tại ngày cuối năm	115.130.033.892	181.439.749.328	4.516.468.739	-	301.086.251.959

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2020 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:	90.878.432.899
Nguyên giá TSCĐ hữu hình hình thành từ quỹ phát triển khoa học công nghệ:	2.473.297.526

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**8 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Quyền sử dụng đất		TSVH khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	20.651.287.846		3.122.000.000	23.773.287.846
Số tăng trong năm	-		1.115.000.000	1.115.000.000
- Mua trong năm	-		1.115.000.000	1.115.000.000
Số giảm trong năm	-		-	-
Số dư cuối năm	20.651.287.846		4.237.000.000	24.888.287.846
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	2.399.937.490		-	2.399.937.490
Số tăng trong năm	-		1.135.789.074	1.135.789.074
- Khấu hao trong năm	-		1.135.789.074	1.135.789.074
Số giảm trong năm	-		-	-
Số dư cuối năm	2.399.937.490		1.135.789.074	3.535.726.564
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	18.251.350.356		3.122.000.000	21.373.350.356
Tại ngày cuối năm	18.251.350.356		3.101.210.926	21.352.561.282

**10 . Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21.705.091.725	15.609.399.216
- Chi phí khảo sát thiết kế nhà VP CN tại Hà Nội	9.857.607.490	4.066.818.181
- Chi phí TV tiêu chuẩn EU GMP của DA nhà máy Cẩm Thượng	11.847.484.235	11.542.581.035
<b>Cộng</b>	<b>21.705.091.725</b>	<b>15.609.399.216</b>

**11 . Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	20.000.000	-	20.000.000
- Công ty CP Y dược phẩm Việt Nam (CPV)	-	-	-	20.000.000	-	20.000.000

**12 . Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	269.935.825	1.330.868.641
<b>Cộng</b>	<b>269.935.825</b>	<b>1.330.868.641</b>

**13 . Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
- Công Ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Y Tế	2.701.036.150	2.701.036.150	2.701.036.150	2.701.036.150
- Công ty CP FRESENIUS KABI VIỆT NAM	3.799.142.478	3.799.142.478	3.799.142.478	3.799.142.478
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Thuận An Phát	1.763.109.759	1.763.109.759	1.763.109.759	1.763.109.759
- Công ty CP TM Dược phẩm Hồng Đức	134.090.832	134.090.832	134.090.832	134.090.832
- Công ty TNHH Dược phẩm CAMLY	6.927.236.401	6.927.236.401	6.927.236.401	6.927.236.401
- Công ty TNHH TM và Dịch vụ Phúc Xuân	1.007.321.969	1.007.321.969	1.007.321.969	1.007.321.969
- Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Hải	15.665.501	15.665.501	15.665.501	15.665.501
- Công ty TNHH Golden Health USA	4.206.341.483	4.206.341.483	4.206.341.483	4.206.341.483
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	73.857.166.211	73.857.166.211	97.332.391.798	97.332.391.798
<b>Cộng</b>	<b>94.411.110.784</b>	<b>94.411.110.784</b>	<b>117.886.336.371</b>	<b>117.886.336.371</b>

	31/12/2020	01/01/2020
<b>14 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.258.644.607	2.021.043.296
- Công ty TNHH TOPHACO Việt Nam	146.550.126	174.833.656
- Công ty TNHH Thương mại Nga Việt	928.000.000	-
- Summer Jordan for Storage & General Trading	480.962.391	-
- Công ty TNHH Rostex Pharma USA	385.190.250	276.434.438
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	3.317.941.840	1.569.775.202
<b>Cộng</b>	<b>5.258.644.607</b>	<b>2.021.043.296</b>

**15 . Thuế và các khoản phải nộp, phải thu nhà nước**

	01/01/2020		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/được bù trừ trong năm	31/12/2020	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	45.135.216.642	45.135.216.642	-	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	467.610	-	36.288.758	35.821.148	-	-
Thuế TNDN (*)	-	336.010.832	7.351.720.330	4.871.598.350	-	2.816.132.812
Thuế thu nhập cá nhân	-	441.857.865	594.998.142	865.588.795	-	171.267.212
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	400.215.900	-	1.415.656.584	1.015.440.684	-	-
Các loại thuế khác	-	-	165.333.790	165.333.790	-	-
<b>Cộng</b>	<b>400.683.510</b>	<b>777.868.697</b>	<b>54.699.214.246</b>	<b>52.088.999.409</b>	<b>-</b>	<b>2.987.400.024</b>

(\*) Trong đó, thuế TNDN đã thực nộp trong năm:

- Thuế TNDN đã nộp vào NSNN:	4.782.066.950
- Thuế TNDN được miễn giảm (phần chi cho lao động nữ):	89.531.400
<b>Cộng</b>	<b>4.871.598.350</b>

Thuế TNDN phải nộp trong năm:

- Thuế TNDN phải nộp năm 2020	7.351.720.330
<b>Cộng</b>	<b>7.351.720.330</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	31/12/2020	01/01/2020
<b>16 . Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
Tiền lương hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký	194.000.000	81.274.932
Chi phí phải trả khác	185.395.693	35.488.791
<b>Cộng</b>	<b>379.395.693</b>	<b>116.763.723</b>
<b>17 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</b>	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
Cho thuê văn phòng	212.045.454	-
<b>Cộng</b>	<b>212.045.454</b>	<b>-</b>
<b>18 . Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác:	732.863.847	843.419.562
+ Phải trả phải nộp khác	732.863.847	843.419.562
<b>Cộng</b>	<b>732.863.847</b>	<b>843.419.562</b>

19 . Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2020	Tăng trong năm	Giảm trong năm	01/01/2020
<b>19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>51.788.705.588</b>	<b>113.613.230.826</b>	<b>122.075.103.779</b>	<b>60.250.578.541</b>
a. Vay ngắn hạn	51.788.705.588	113.613.230.826	122.075.103.779	60.250.578.541
NH TMCP Quân đội - CN Hải Dương (1)	3.244.848.193	3.244.848.193	3.590.527.500	3.590.527.500
Ngân hàng TMCP Công thương Hải Dương (2)	14.715.402.340	30.504.632.585	47.041.414.131	31.252.183.886
NH TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương (3)	14.007.043.279	17.759.447.263	3.752.403.984	-
BIDV Chi nhánh Trần Hưng Đạo (4)	19.145.911.776	62.104.302.785	67.563.758.164	24.605.367.155
Vay cán bộ nhân viên	675.500.000	-	127.000.000	802.500.000
<b>19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>76.113.173.763</b>	-	<b>30.555.123.162</b>	<b>106.668.296.925</b>
a. Vay dài hạn	76.113.173.763	-	30.555.123.162	106.668.296.925
NH TMCP Ngoại thương - CN Hải Dương (5)	73.536.400.130	-	30.279.694.172	103.816.094.302
Vay cán bộ nhân viên	2.576.773.633	-	275.428.990	2.852.202.623
b. Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-
<b>19.3 Số có khả năng trả nợ</b>	<b>127.901.879.351</b>			<b>166.918.875.466</b>
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	51.788.705.588			60.250.578.541
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	76.113.173.763			106.668.296.925

**Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính:**

- (1) Khế ước nhận nợ số LD 2028331150 thuộc Hợp đồng cấp tín dụng số 59044.19.270.1150261.TD ngày 30/12/2019  
Mục đích: Thanh toán tiền hàng; Thời hạn vay: 10/10/2020 đến 9/4/2021; Lãi suất cố định 5%/ năm trong khoảng thời gian từ 9/10/2020 đến 9/04/2021.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 15.10/CNHD9/2020/HĐCVHM/NHCT340-DUOCVTYT ngày 30/10/2020. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; hạn mức cho vay: 50.000.000.000 đồng; lãi suất cho vay quy định cụ thể trên giấy nhận nợ theo từng lần giải ngân; thời hạn cho vay: không quá 6 tháng kể từ lần giải ngân.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 204A/HDDTD2.024.20 ngày 29/04/2020; hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng; mục đích: đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư thiết bị y tế; thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ.
- (4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/222776/HĐTD ngày 06/05/2020, tại trụ sở ngân hàng TMCP BIDV chi nhánh Hải Dương số 02 đường Lê Thanh Nghị, Phường Phạm Ngũ Lão; hạn mức cấp tín dụng: 50.000.000.000 đồng; mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh mở LC, trong đó hạn mức cho vay tối đa 40 tỷ hạn mức bảo lãnh 10 tỷ; thời hạn cấp hạn mức: 06/5/2021; biện pháp đảm bảo: Hợp đồng thế chấp số 20/2005/HĐ, Hợp đồng 32/2005.
- (5) Hợp đồng cho vay số 170114/NHMTHTD ngày 24/11/2017 để đầu tư Dự án nhà máy HDPHARMA EU sản xuất thuốc Đông Dược, Nang mềm Đạt tiêu chuẩn GMP-WHO và thuốc viên cốm sủi không chứa kháng sinh beta lactam đạt tiêu chuẩn GMP-EU. Số tiền cho vay tối đa: 210 tỷ đồng nhưng tối đa không vượt mức 70% tổng mức đầu tư của dự án. Thời hạn cho vay: 96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất cho vay cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là: lãi suất cố định bằng lãi suất cơ sở cộng mức biên là 2%/năm. Lãi suất vay tại thời điểm 31/12/2020 là 7,8%.

**20 . Vốn chủ sở hữu**

**20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại phụ lục số 01)**

<b>20.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác	99.999.450.000	80.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>99.999.450.000</b>	<b>80.000.000.000</b>

**20.3. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	60.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	19.999.450.000	20.000.000.000
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
+ Vốn góp cuối năm	99.999.450.000	80.000.000.000

**20.4. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.999.945	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	9.999.945	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.999.945	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.999.945	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.999.945	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**20.5. Các quỹ của doanh nghiệp:**

	<b>31/12/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	174.594.214.888	174.594.214.888

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Đơn vị tính: Đồng

**1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	641.926.128.892	664.051.205.189
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.731.890.914	2.907.509.087
<b>Cộng</b>	<b>644.658.019.806</b>	<b>666.958.714.276</b>

**2 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chiết khấu thương mại	20.483.489	44.096.762
Giảm giá hàng bán	187.696.807	38.260.144
Hàng bán bị trả lại	3.755.219.521	4.630.975.052
<b>Cộng</b>	<b>3.963.399.817</b>	<b>4.713.331.958</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Năm nay	Năm trước
<b>3 . Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm, hàng hóa	637.962.729.075	659.337.873.231
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.731.890.914	2.907.509.087
<b>Cộng</b>	<b>640.694.619.989</b>	<b>662.245.382.318</b>
<b>4 . Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	471.745.481.826	506.088.940.692
<b>Cộng</b>	<b>471.745.481.826</b>	<b>506.088.940.692</b>
<b>5 . Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.966.785	35.727.870
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.180.600	252.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	1.380.025	4.317.124
<b>Cộng</b>	<b>47.527.410</b>	<b>292.044.994</b>
<b>6 . Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	11.187.528.034	8.841.896.574
- Chiết khấu thanh toán	1.843.785.139	1.583.210.594
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.912.600	
<b>Cộng</b>	<b>13.033.225.773</b>	<b>10.425.107.168</b>
<b>7 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>66.566.780.668</b>	<b>65.115.836.227</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	27.863.131.849	24.950.241.228
- Chi phí vật liệu quản lý	5.228.962.855	5.913.747.278
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.397.692.365	3.526.900.564
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.116.468.554	4.493.292.099
- Thuế, phí và lệ phí	1.412.639.040	1.419.623.261
- Chi phí dự phòng	-	(1.272.449.453)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.929.704.149	7.091.154.119
- Chi phí bằng tiền khác	19.618.181.856	18.993.327.131
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>53.755.329.199</b>	<b>48.317.557.745</b>
- Chi phí nhân viên bán hàng	39.474.164.028	34.147.338.539
- Chi phí vật liệu bao bì	1	220.000
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	7.350.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.150.554.708	1.990.431.963
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.978.642.123	4.654.671.564
- Chi phí bằng tiền khác	7.151.968.339	7.517.545.679
<b>8 . Thu nhập khác</b>		
- Thu nhập khác	658.449.436	965.876.768
<b>Cộng</b>	<b>658.449.436</b>	<b>965.876.768</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Năm nay	Năm trước
<b>9 . Chi phí khác</b>		
- Các khoản vi phạm hành chính	321.359.038	250.048.771
- Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	53.369.717	-
<b>Cộng</b>	<b>374.728.755</b>	<b>250.048.771</b>
<b>10 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
a. Lợi nhuận trước thuế	35.925.050.614	33.305.813.477
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	833.551.038	642.168.771
- Các khoản điều chỉnh tăng	854.731.638	894.168.771
+Phạt vi phạm hành chính	321.359.038	894.168.771
+ Chi phí khấu hao tương ứng với nguyên giá TSCĐ vượt trên 1.6 tỷ đồng	531.460.000	-
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ	1.912.600	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	21.180.600	252.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.180.600	252.000.000
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	36.758.601.652	33.947.982.248
d. Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
e. Điều chỉnh tăng thuế TNDN của các năm trước	-	-
f. Thuế TNDN = [(c)*(d)]+(e)	<b>7.351.720.330</b>	<b>6.789.596.450</b>
<b>11 . Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận sau thuế TNDN	28.573.330.284	26.516.217.027
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	9.207.617	6.356.164
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>3.103</b>	<b>4.172</b>
<b>12 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.454.016.473	232.456.968.380
Chi phí nhân công	218.727.112.952	20.053.722.278
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.657.762.926	8.269.342.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.323.603.887	16.095.545.891
<b>Cộng</b>	<b>267.162.496.238</b>	<b>276.875.579.192</b>

**VI . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

**2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**3 . Thông tin về các bên liên quan****Giao dịch với các bên liên quan khác:**

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2020:

TT	Bộ phận	Thu nhập
1	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	2.911.217.083
2	Ban Kiểm soát	824.041.271
	<b>Cộng</b>	<b>3.735.258.354</b>

**4 . Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh**

Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>4.1. Bó trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<i>a. Bó trí cơ cấu tài sản</i>			
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	58,13%	53,94%
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	41,87%	46,06%
<i>b. Bó trí cơ cấu nguồn vốn</i>			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	41,26%	48,07%
- Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	%	58,74%	51,93%
<b>4.2. Khả năng thanh toán</b>			
a. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	2,42	2,08
b. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,48	1,50
c. Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,02	1,08
<b>4.3. Tỷ suất sinh lời</b>			
<i>a. Tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu</i>			
- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	5,57%	4,99%
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	4,43%	3,98%
<i>b. Tỷ suất lợi nhuận/ Tổng tài sản</i>			
- Lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	%	6,06%	5,34%
- Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	4,82%	4,25%
<i>c. Tỷ suất LNST/Nguồn vốn CSH</i>	%	8,21%	8,19%



**5 . Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên của Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

**6 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Người lập biểu

Trần Quốc Tuấn

Kế toán trưởng

Chu Văn Long

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2021



Giám đốc

Nguyễn Thị Tú Anh

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**Phụ lục số 01: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: đồng
							Tổng cộng
<b>Số dư tại 01/01/2019</b>		28.720.000.000	-	134.594.214.888	-	58.415.319.408	281.729.534.296
Tăng vốn trong năm	60.000.000.000	-	-	40.000.000.000	-	26.516.217.027	86.516.217.027
<i>Lãi trong năm</i>	20.000.000.000	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn	20.000.000.000	-	-	40.000.000.000	-	26.516.217.027	20.000.000.000
<i>Tăng khác</i>	-	-	-	-	-	-	-
<i>Trích các quỹ</i>	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	44.577.008.588	44.577.008.588
<i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	-	4.200.000.000	4.200.000.000
<i>Phân phối quỹ</i>	-	-	-	-	-	40.000.000.000	40.000.000.000
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	377.008.588	377.008.588
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	80.000.000.000	28.720.000.000	-	174.594.214.888	-	40.354.527.847	323.668.742.735
<b>Số dư tại 01/01/2020</b>	80.000.000.000	28.720.000.000	-	174.594.214.888	-	40.354.527.847	323.668.742.735
Tăng vốn trong năm	19.999.450.000	-	-	-	-	28.573.330.284	48.572.780.284
<i>Lãi trong năm</i>	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn	19.999.450.000	-	-	-	-	28.573.330.284	28.573.330.284
<i>Trích quỹ</i>	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	24.240.986.125	24.240.986.125
<i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	-	23.999.450.000	23.999.450.000
<i>Phân phối quỹ</i>	-	-	-	-	-	-	-
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	241.536.125	241.536.125
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	99.999.450.000	28.720.000.000	-	174.594.214.888	-	44.686.872.006	348.000.536.894

